

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thúy Cải

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thúy Cải

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thúy Cải

Mã SV:1412401311

Lớp: QT1805k

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Hệ thống hóa lý luận cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng Số 1.
 - Đề xuất giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng Số 1.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Thu thập số liệu về doanh thu bán hàng, giá vốn, chi phí quản lý kinh doanh, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính sử dụng số liệu năm 2016.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Tại công ty cổ phần xây dựng số 1

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thúy cải

Th.s Lê Thị Nam Phương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Lê Thị Nam Phương
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Đỗ Thúy Cải Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán
Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1
Nội dung hướng dẫn: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp góp phần hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1.
- Những kiến nghị, đề xuất gắn với thực tiễn giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	13
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ	14
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	14
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	14
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản.	15
1.1.2.1. Doanh thu	15
1.1.2.2. Chi phí.....	18
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	19
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.....	20
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	21
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	21
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	21
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	21
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	22
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	23
1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho	23
1.2.2.2. Chứng từ sử dụng	24
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng	24
1.2.2.4. Phương pháp hạch toán	25
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	26
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng	26
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng	26
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán	26
1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	27
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng	27
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng	27

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	28
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	30
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng	30
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng	30
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán	30
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.	32
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng	32
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng	32
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán	32
1.3. Một số điểm khác biệt trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016.....	33
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	35
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1	41
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.	41
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.	41
2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	43
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.	43
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.	45
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty	45
.....	45
2.1.4.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty	46
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán	47
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán	47
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính	48
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.	49
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	49
2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP xây dựng Số 1	49
2.2.1.2. Chứng từ sử dụng	49

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng	49
2.2.1.4. Quy trình hạch toán	49
2.2.1.5. Ví dụ minh họa	51
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.	55
2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần số 1.....	55
2.2.2.2. Chứng từ sử dụng	55
2.2.2.3. Tài khoản sử dụng	55
2.2.2.4. Quy trình hạch toán	55
2.2.2.5. Ví dụ minh họa	56
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	61
2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Số 1 ...	61
2.2.3.2. Chứng từ sử dụng	61
2.2.3.3. Tài khoản sử dụng	61
2.2.3.4. Quy trình hạch toán	61
2.2.3.5. Ví dụ minh họa	62
2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.	70
2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1	70
2.2.4.2. Chứng từ sử dụng	70
2.2.4.3. Tài khoản sử dụng	70
2.2.4.4. Quy trình hạch toán	70
2.2.4.5. Ví dụ minh họa	72
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	75
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	75
2.2.6.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1	75
2.2.6.2. Chứng từ sử dụng	75
2.2.6.3. Tài khoản sử dụng	75
2.2.6.4. Quy trình hạch toán	76
2.2.6.5 Ví dụ minh họa	77
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1.....	86

3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.	86
3.1.1. Ưu điểm.....	87
3.1.2. Hạn chế.....	88
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 1.	88
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.	88
3.2.2. Nguyên tắc để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.	89
3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.	90
3.2.3.1. Hiện đại hoá công tác kế toán:.....	90
3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty	97
3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	102
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	103
TÀI LIỆU THAM KHẢO	105

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1 – Hoá đơn GTGT số 0000096	52
Biểu số 2.2 – Trích Sổ Nhật ký chung.....	53
Biểu 2.3 : Sổ cái TK 511	54
Biểu số 2.4 - Bảng giá trị vật tư công trình.....	57
Biểu số 2.5 - Bảng giá thành sản phẩm công trình	58
Biểu số 2.6 – Phiếu kế toán số 23	58
Biểu số 2.7 – Trích Sổ Nhật ký chung.....	59
Biểu số 2.8 – Trích Sổ Cái TK 632	60
Biểu số 2.9 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông T11/2016	63
Biểu số 2.10 – Phiếu chi số 328.....	64
Biểu số 2.11 – Giấy đề nghị thanh toán.....	65
Biểu số 2.12 – Hoá đơn GTGT số 0002103	66
Biểu số 2.13 – Phiếu chi số 339.....	67
Biểu số 2.14 – Trích Sổ Nhật ký chung.....	68
Biểu số 2.15 – Trích Sổ Cái TK 642	69
Biểu số 2.16 – Giấy báo CÓ	72
Biểu số 2.17 – Trích Sổ Nhật ký chung.....	73
Biểu số 2.18 – Trích Sổ Cái TK 515	74
Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 45	78
Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 46	79
Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 47	79
Biểu số 2.22 – Phiếu kế toán số 48	80
Biểu số 2.23 – Phiếu kế toán số 49	80
Biểu số 2.24 – Trích Sổ Nhật ký chung.....	81
Biểu số 2.25 – Trích Sổ Cái TK 911	82
Biểu số 2.26 – Trích Sổ Cái TK 821	83
Biểu số 2.27 – Trích Sổ Cái TK 421	84
Biểu số 2.28 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	85
Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng	99
Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	101
Biểu số 3.3 – Phiếu giao nhận chứng từ	102

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22
Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	25
Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	26
Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	27
Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	29
Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	31
Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh	33
Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng Số 1	43
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP xây dựng Số 1	45
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	48
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP xây dựng Số 1.....	50
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng số 1	56
Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty.....	61
Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1	71
Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1	76

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh nghiệp muốn tồn tại, vươn lên thì trước hết đòi hỏi kinh doanh phải có hiệu quả. Hiệu quả kinh doanh càng cao thì doanh nghiệp càng có điều kiện phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống người lao động thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Với xu thế phát triển của xã hội và của nền kinh tế, việc quan tâm đến chi phí, doanh thu là vấn đề hàng đầu trong việc đảm bảo hiệu quả và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong cơ chế thị trường hiện nay, công tác hạch toán chi phí, doanh thu là công tác vô cùng quan trọng đây là hoạt động kinh doanh chính, luôn gắn liền với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, kết hợp với việc tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần xây dựng số 1, được sự giúp đỡ của Ban Giám đốc, các cán bộ phòng Tài chính - Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương em đã quyết định đi sâu vào nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1 ”***

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: *Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Chương 2: *Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1*

Chương 3: *Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1*

Vì thời gian và kinh nghiệm của em còn hạn chế nên không tránh khỏi những sai sót trong quá trình trình bày. Kính mong Quý Thầy Cô góp ý, bổ sung đề tài của em được hoàn thiện hơn, bản thân em khắc phục những yếu kém, tích lũy kinh nghiệm và nâng cao năng lực trong thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hoá lợi nhuận và giảm thiểu hoá chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận của một doanh nghiệp chính là doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ cần thiết đối với các nhà quản trị doanh nghiệp mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các đối tượng khác trong nền kinh tế quốc dân.

+ Đối với nhà đầu tư: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định đầu tư hợp lý.

+ Đối với các trung gian tài chính như: Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay bao nhiêu và vay trong bao lâu.

+ Đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho các nhà hoạch định chính sách của Nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp Chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô, xác định đúng số thuế thu nhập doanh nghiệp mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước.

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản.**1.1.2.1. Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:* Theo phương thức này, căn cứ vào hợp đồng mua bán đã được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong, người nhận hàng ký xác nhận vào hoá đơn bán hàng và số hàng đó được xác định là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng cho khách:* Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

- *Phương thức gửi đại lý, ký gửi:* Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hoá gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết

giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán, khách hàng đã ứng trước tiền mua hàng về số hàng gửi đi bán.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Theo phương pháp này, doanh nghiệp lấy sản phẩm của mình quy ra giá cả trên thị trường rồi dùng số tiền quy đổi đó để mua sản phẩm của đơn vị khác. Trong trường hợp này, doanh thu được tính theo giá sản phẩm cùng loại mà doanh nghiệp bán thu tiền.

b) Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

***) Chiết khấu thương mại**: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

***) Giảm giá hàng bán**: Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

***) Hàng bán bị trả lại**: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

****) Các loại thuế phải nộp Nhà nước:***

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

c) Doanh thu thuần:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

d) Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, tỷ giá ngoại tệ,...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

- Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

e) Thu nhập khác:

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay đã mất chủ được ghi tăng thu nhập
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại
- Các khoản thu khác

Khoản thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ là tổng số tiền đã thu và sẽ thu được của người mua từ hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

1.1.2.2. Chi phí

Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác,... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Chi phí bao gồm các khoản sau:

a) Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.

- Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.

- Đối với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ chi phí cho hàng tiêu thụ.

b) Chi phí quản lý kinh doanh:

Chi phí quản lý kinh doanh phản ánh các khoản chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ và hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn bộ doanh nghiệp.

c) Chi phí hoạt động tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

d) Chi phí khác:

Chi phí khác phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác bao gồm những khoản chi phí (hoặc khoản lỗ) phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm hàng hoá.

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

$$\text{Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp} = \text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} + \text{Lợi nhuận từ hoạt động khác}$$

Trong đó:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí quản lý kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí hoạt động tài chính}$$

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng)} = \text{Lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng , giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Phải theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập các báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng thông thường, hóa đơn GTGT.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,...
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ:

- + Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- + Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- + Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.
- + Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.
- + Kết chuyển doanh thu thuần vào **TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.**

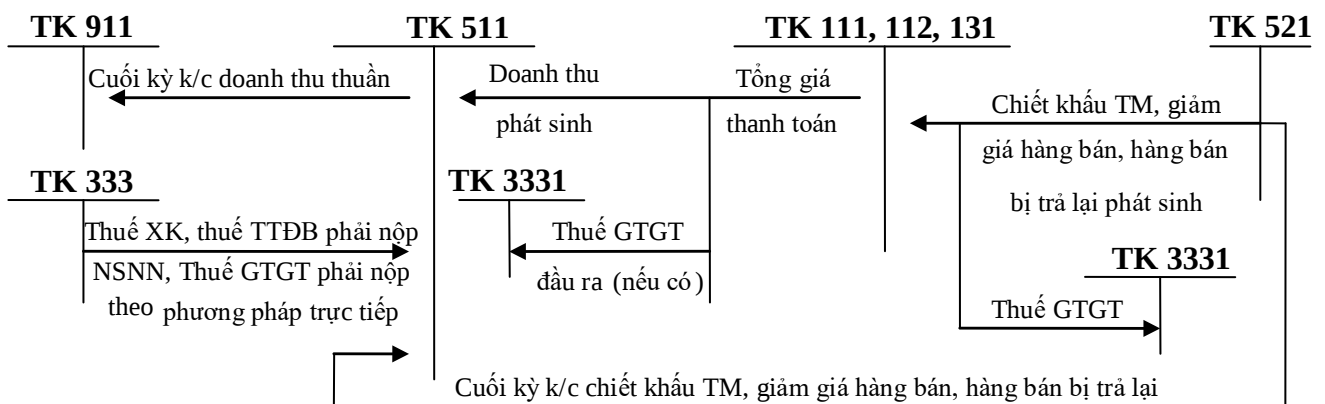
✓ Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.
- TK 511 có 4 tiểu khoản cấp 2:
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
 - + TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
 - + TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - + TK 5118: Doanh thu khác
- ❖ **TK 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu**
 - TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:
 - + TK 5211 – Chiết khấu thương mại
 - + TK 5212 – Hàng bán bị trả lại
 - + TK 5213 – Giảm giá hàng bán
 - TK 521 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.

CT chung: **Trị giá xuất kho = Số Lượng × Đơn giá xuất**

✓ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

Có 2 cách tính đơn giá:

- **Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ**

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá vật tư HH tồn ĐK} + \text{Trị giá vật tư HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng HH tồn ĐK} + \text{Số lượng HH nhập trong kỳ}}$$

- **Phương pháp bình quân liên hoàn** (Tính giá bình quân sau mỗi lần nhập)

$$\text{Đơn giá BQ liên hoàn} = \frac{\text{Trị giá vật tư tồn trước lần nhập } n + \text{Trị giá vật tư lần nhập } n}{\text{Số lượng vật tư trước lần nhập } n + \text{Số lượng vật tư lần nhập } n}$$

✓ **Phương pháp nhập trước xuất trước:**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ **Phương pháp nhập sau xuất trước:**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá

trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ ***Phương pháp tính theo giá đích danh:***

Áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hay mặt hàng ổn định, nhận diện được.

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn bán hàng thông thường
- Phiếu xuất kho

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản: **TK 632 – Giá vốn hàng bán.**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản: **TK 631 – Giá thành sản xuất**

TK 632 – Giá vốn hàng bán

❖ ***Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán***

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

- Gồm 2 phương pháp hạch toán :
 - *Phương pháp kê khai thường xuyên*
 - *Phương pháp kiểm kê định kỳ*
- *Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

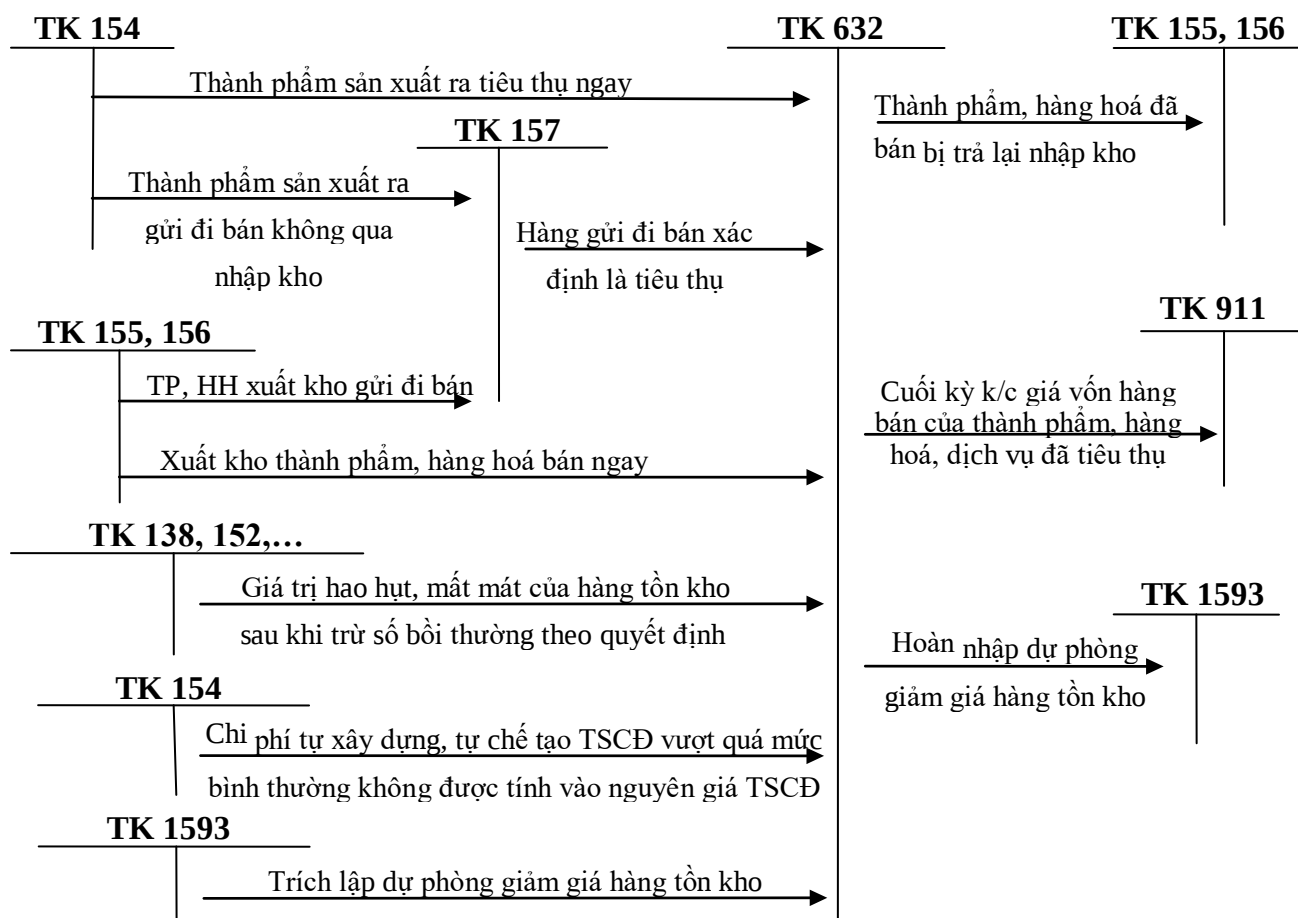
❖ ***Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất***

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn,... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

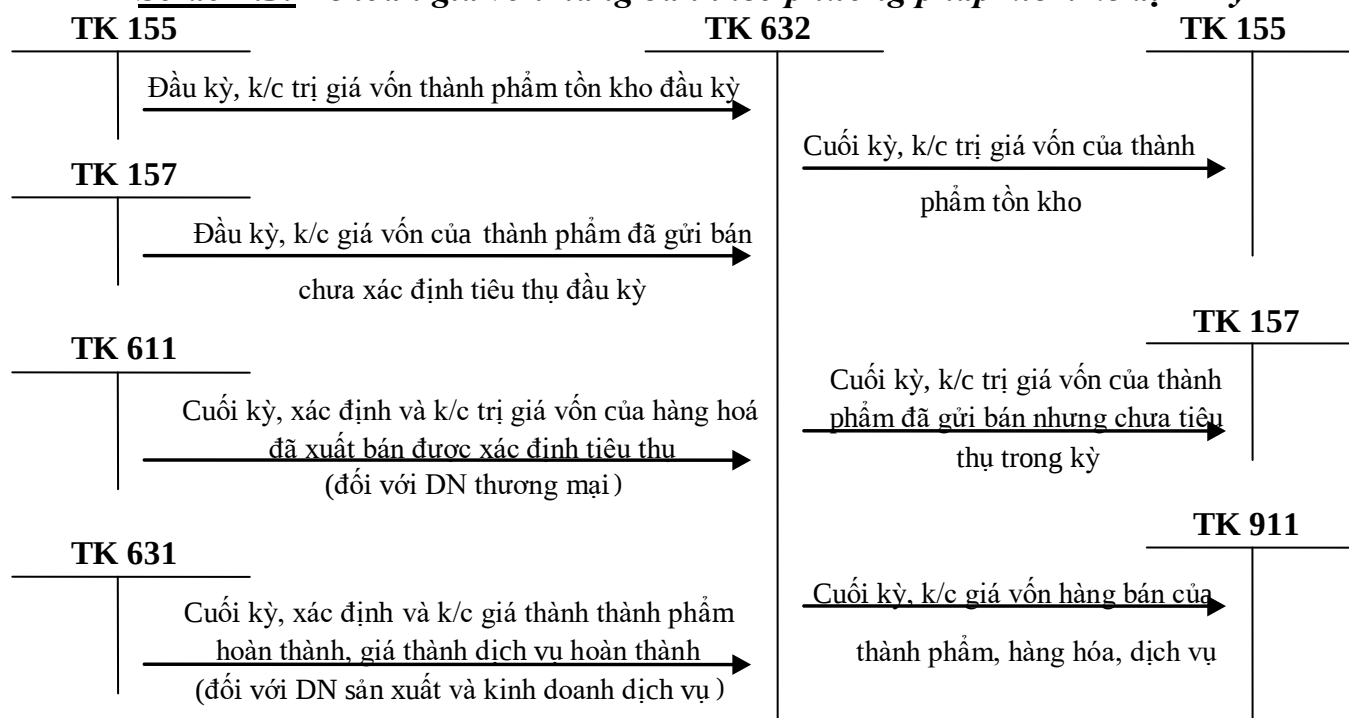
- *Tài khoản 631 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu xuất kho, Phiếu kế toán,...

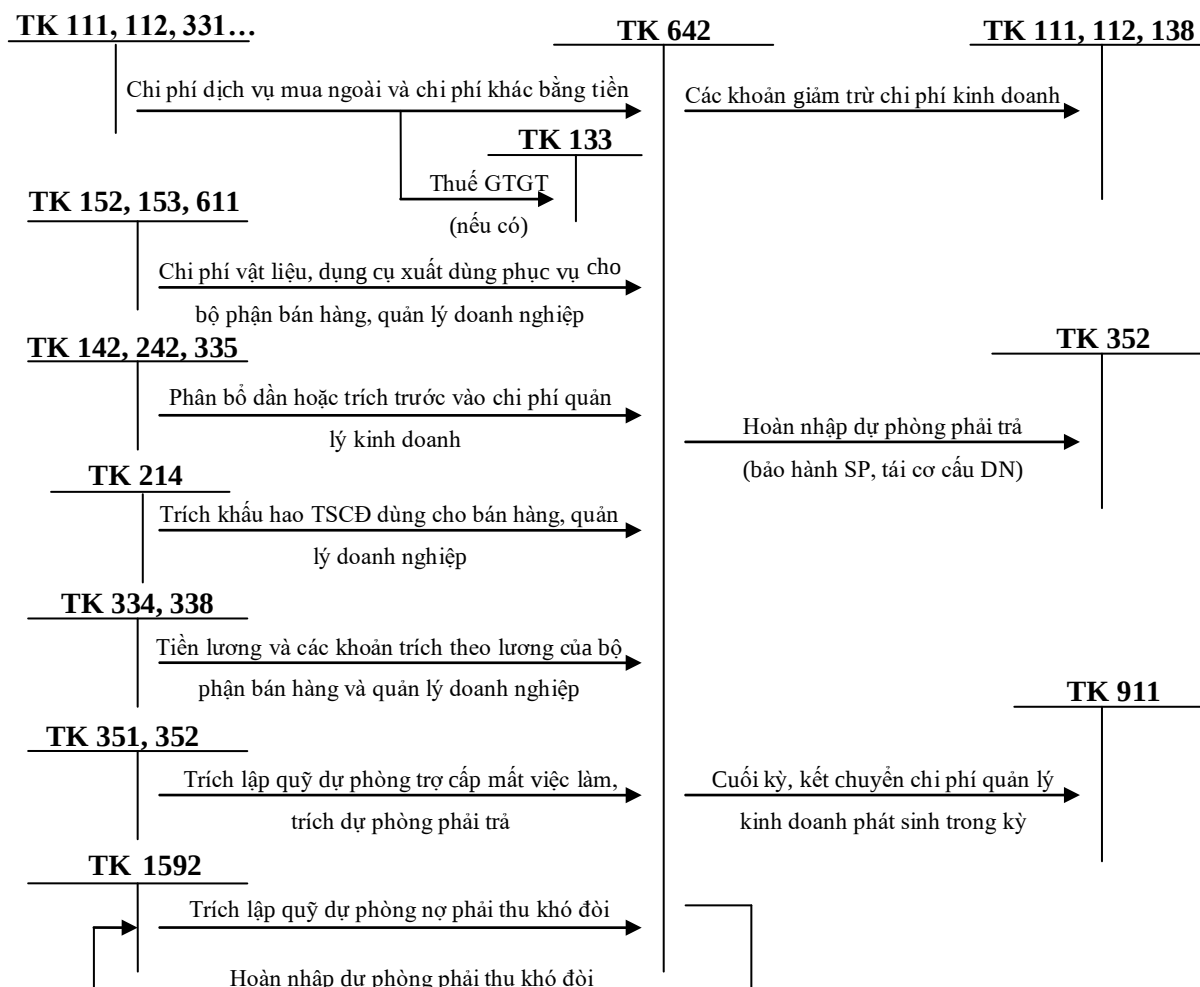
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ **TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh**

- Các tài khoản cấp 2:
 - + TK 6421 – Chi phí bán hàng
 - + TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Tài khoản 642 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có
- Phiếu kế toán

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

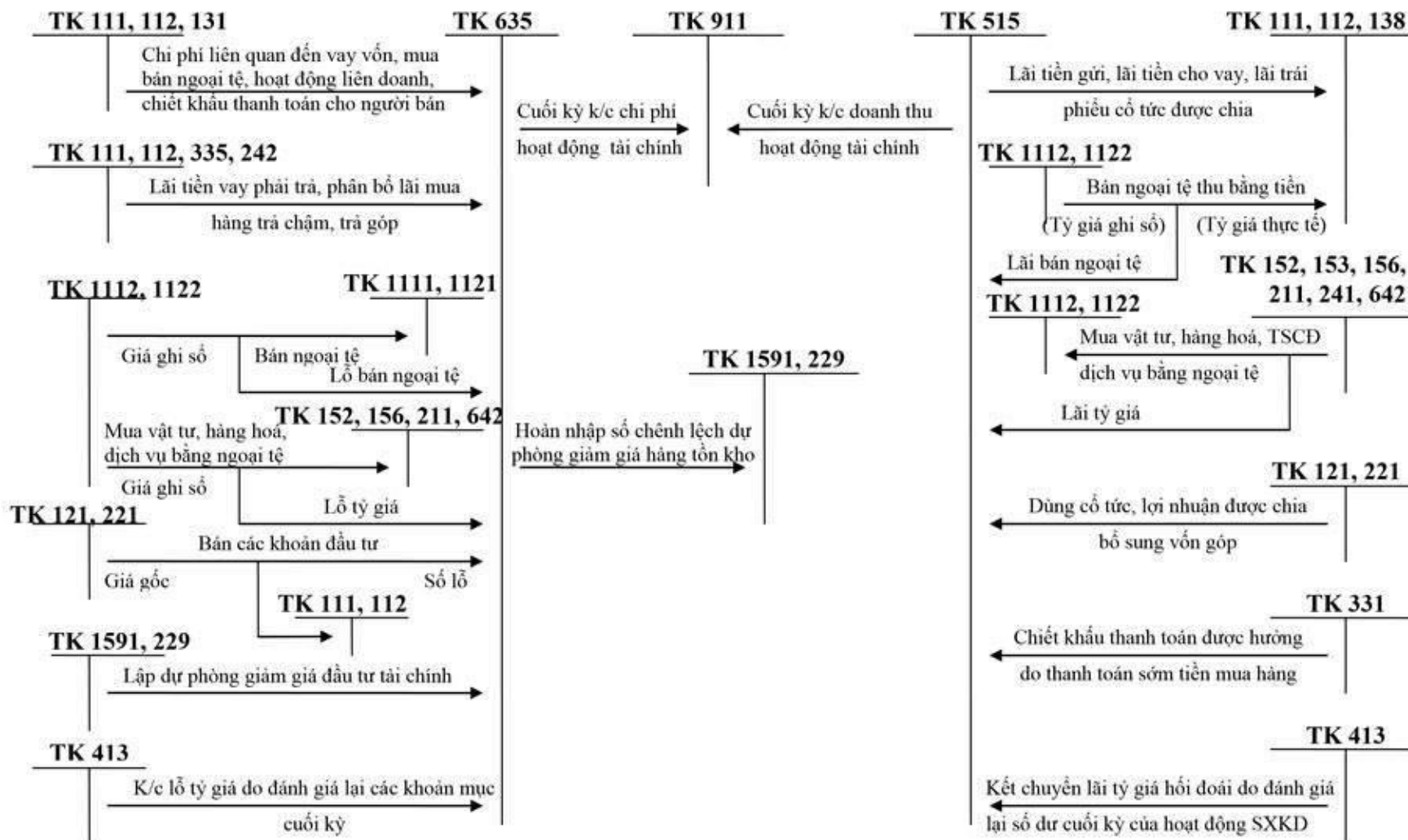
Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

- *Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.*

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.5:

Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy uỷ nhiệm chi, giấy báo có...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế,...

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng**❖ TK 711 – Thu nhập khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

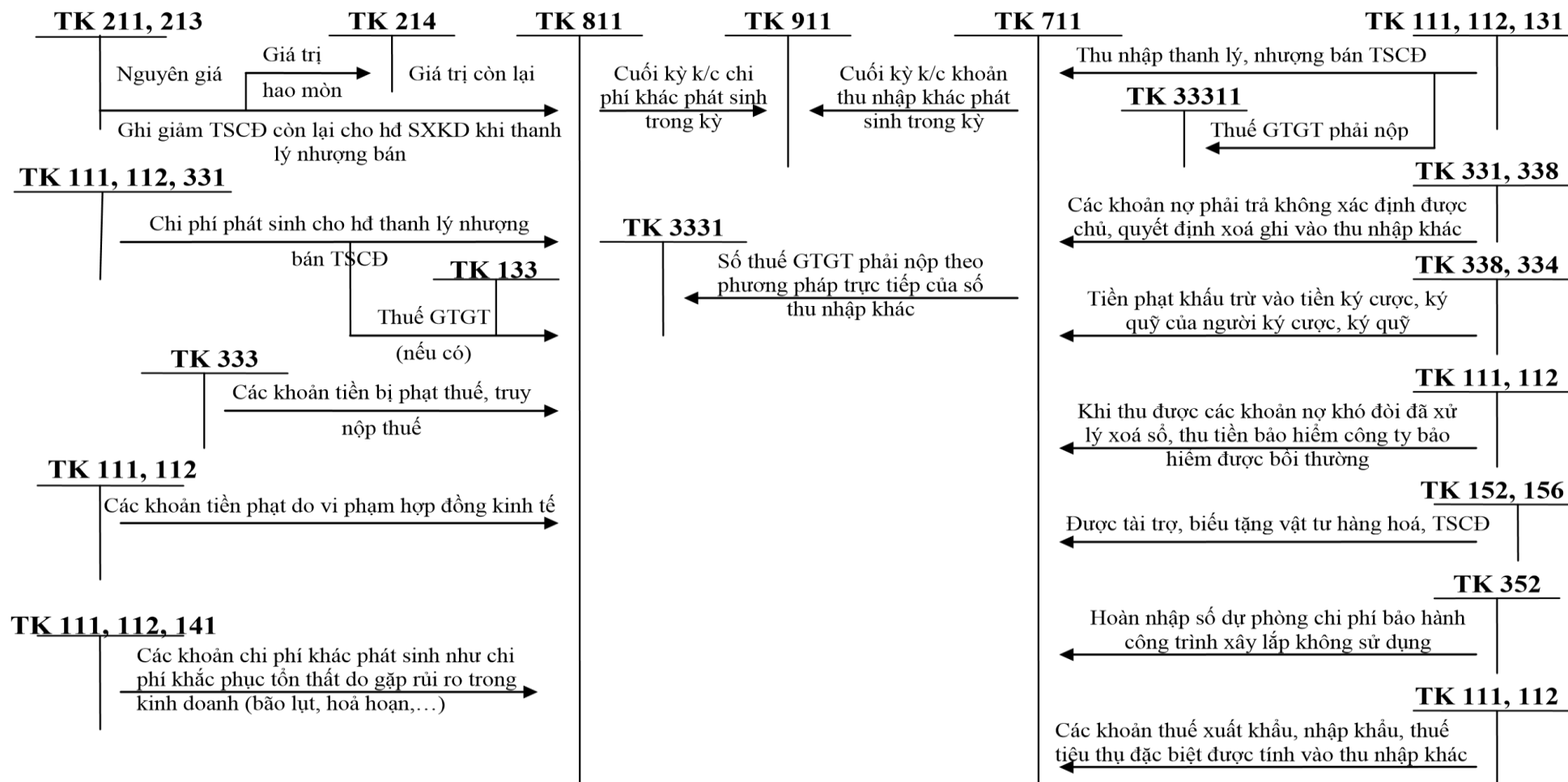
❖ TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

- Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**1.2.6.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng**❖ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

- Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

❖ TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**✓ TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối có 2 tiểu khoản cấp 2:**

+ TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

- Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

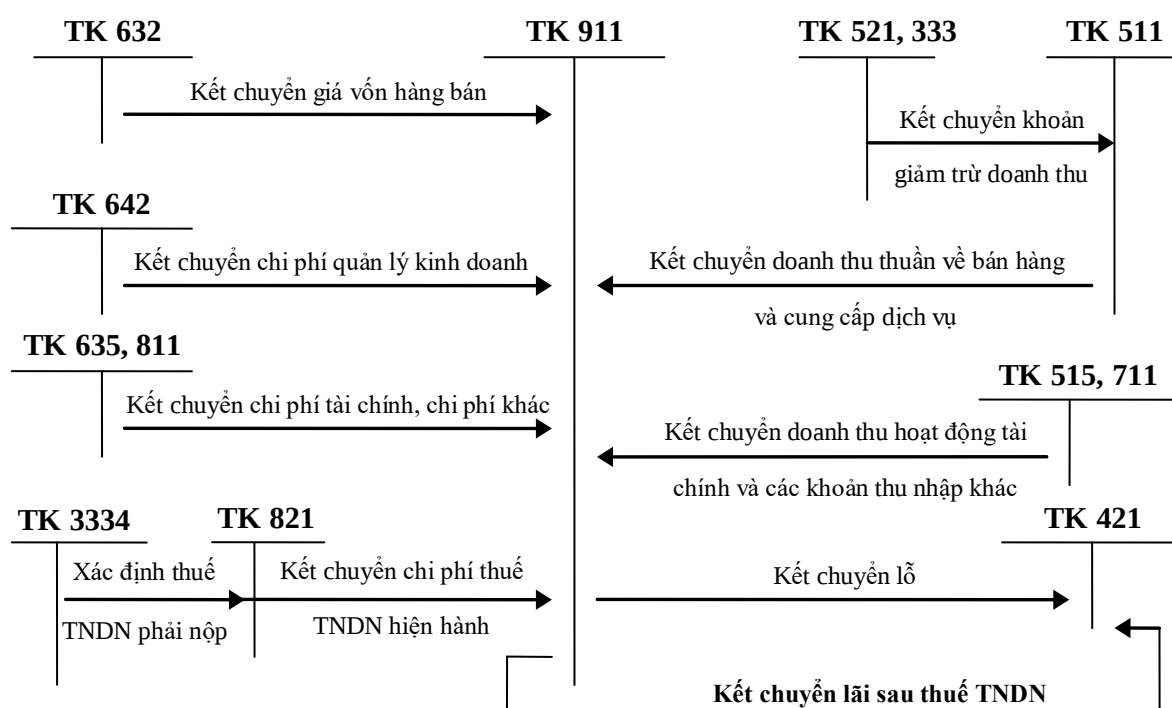
❖ TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Tài khoản 821 không có số dư đầu kỳ và cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7:

Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. Một số điểm khác biệt trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016.

Thông tư 133/2016/TT-BTC có một số thay đổi về nghiệp vụ so với Quyết định 48/2006/QĐ-BTC như sau:

➤ *Thay đổi nguyên tắc hạch toán tài khoản 511:*

a) Do trên Thông tư 133 bỏ TK 521 các khoản giảm trừ doanh thu, nên nguyên tắc hạch toán của TK 511 bị thay đổi để ghi nhận thêm các khoản giảm trừ doanh thu này. Cụ thể:

- Kết cấu bên **Nợ** của TK 511:
 - ✓ Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)
 - ✓ Các khoản giảm trừ doanh thu
 - ✓ Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Lưu ý: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu vào bên Nợ TK 511

- Kết cấu bên **Có** của TK 511: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

b) Việc thay đổi cách hạch toán của TK 511, sẽ ảnh hưởng tới cách lấy số liệu của các báo cáo sau:

- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn hàng
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo hợp đồng
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo công trình
- Báo cáo tổng hợp lãi lỗ theo đơn vị
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo đơn hàng
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo hợp đồng
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo công trình
- Báo cáo chi tiết lãi lỗ theo đơn vị
- Chi tiết công nợ phải thu/phải trả
- Chi tiết công nợ phải thu theo mặt hàng
- Chi tiết công nợ phải thu/phải trả theo công trình
- Chi tiết công nợ phải thu theo đơn vị kinh doanh
- Chi tiết công nợ phải thu theo nhân viên
- Tổng hợp thanh toán công nợ khách hàng
- Tổng hợp thanh toán công nợ khách hàng theo nhân viên.

➤ *Hệ thống báo cáo tài chính cho doanh nghiệp vừa và nhỏ:*

Đối với doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- Thay đổi công thức tính chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** và chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu**:
 - Số liệu để ghi vào chỉ tiêu **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** không bao gồm các loại thuế gián thu như: thuế GTGT (kể cả thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế, phí gián thu khác.
 - Số liệu để ghi vào chỉ tiêu **Các khoản giảm trừ doanh thu** không bao gồm các khoản thuế gián thu, phí mà doanh nghiệp nhỏ và vừa không

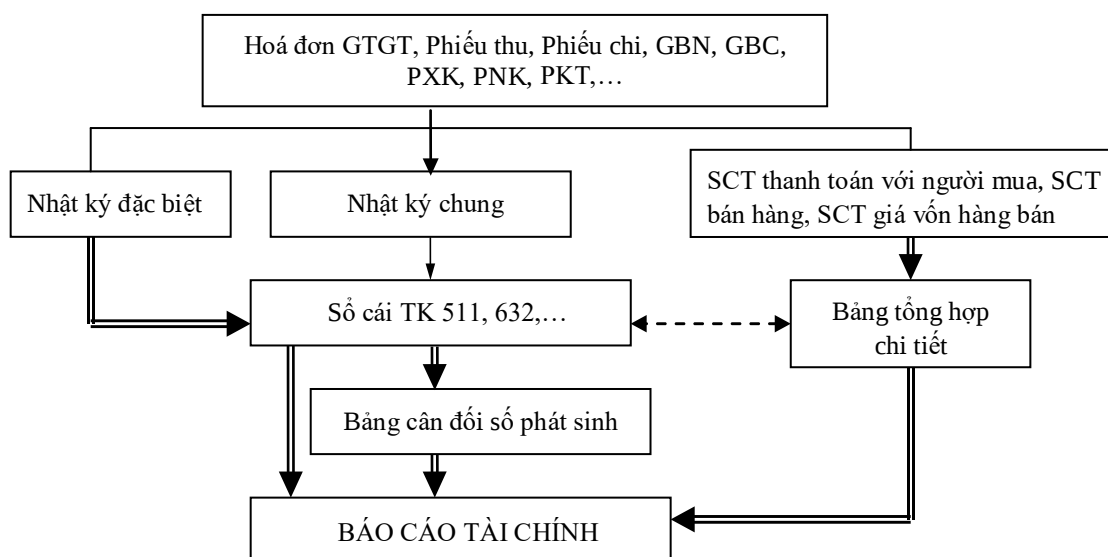
được hưởng, phải nộp NSNN (được kế toán ghi giảm doanh thu trên sổ kế toán TK 511).

- Thay đổi cách lấy số liệu các khoản giảm trừ doanh thu => Không lấy theo TK 521 nữa, mà lấy TK bên Nợ của 511 chi tiết theo từng khoản giảm trừ doanh thu.
- Thay đổi cách lấy số liệu chi tiêu **Thu nhập khác, Chi phí khác**:
 - Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào **Thu nhập khác**.
 - Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý => Đưa vào **Chi phí khác**.

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Theo chế độ kế toán có 5 hình thức kế toán sau:

- **Hình thức kế toán Nhật ký chung:**

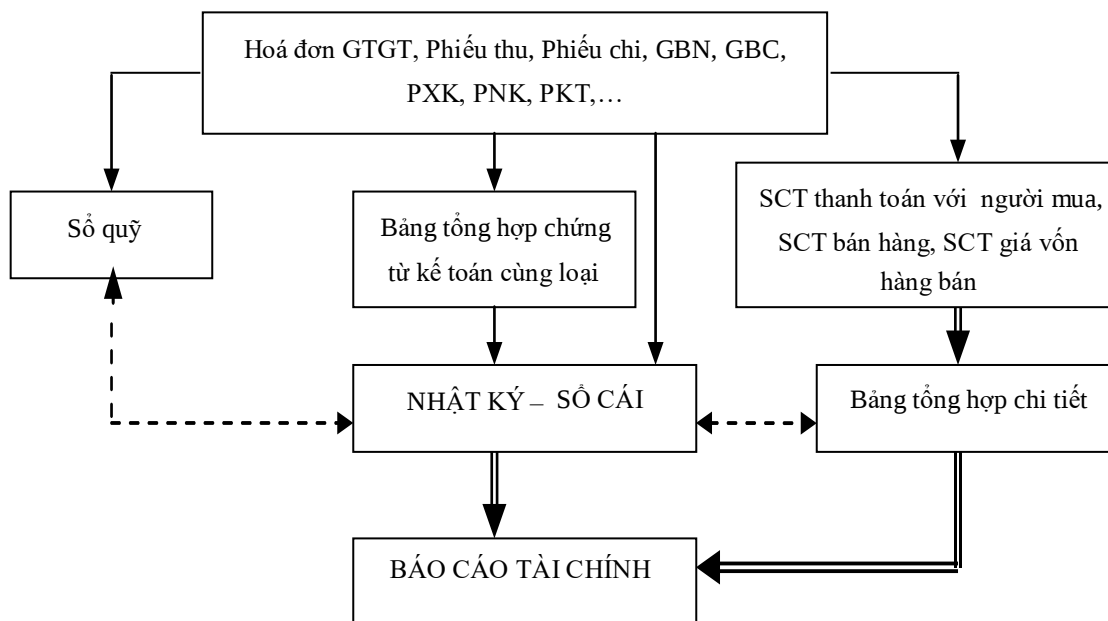


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Đặc điểm: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các Sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái:

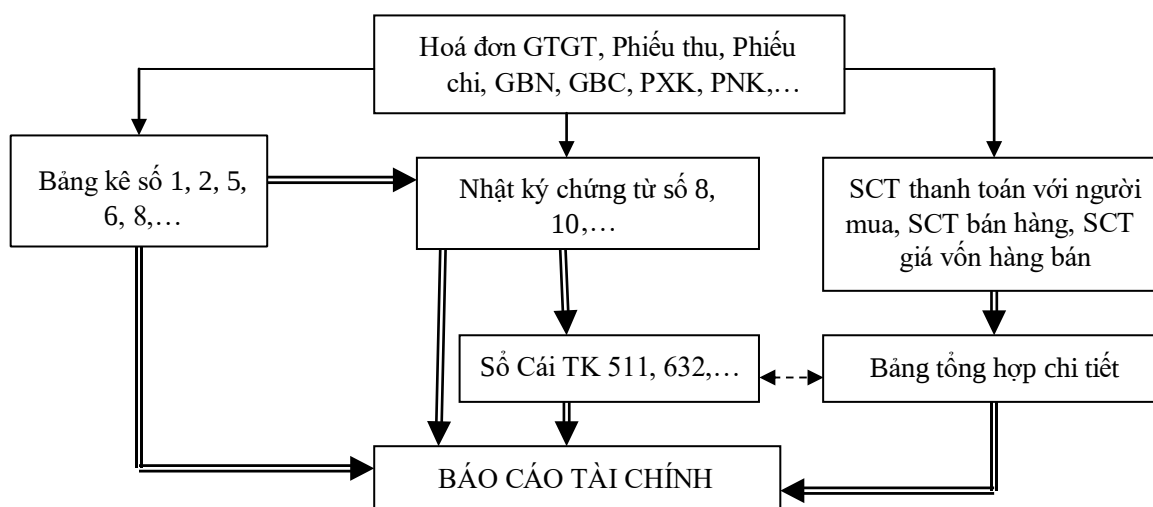


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

Đặc điểm: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ:

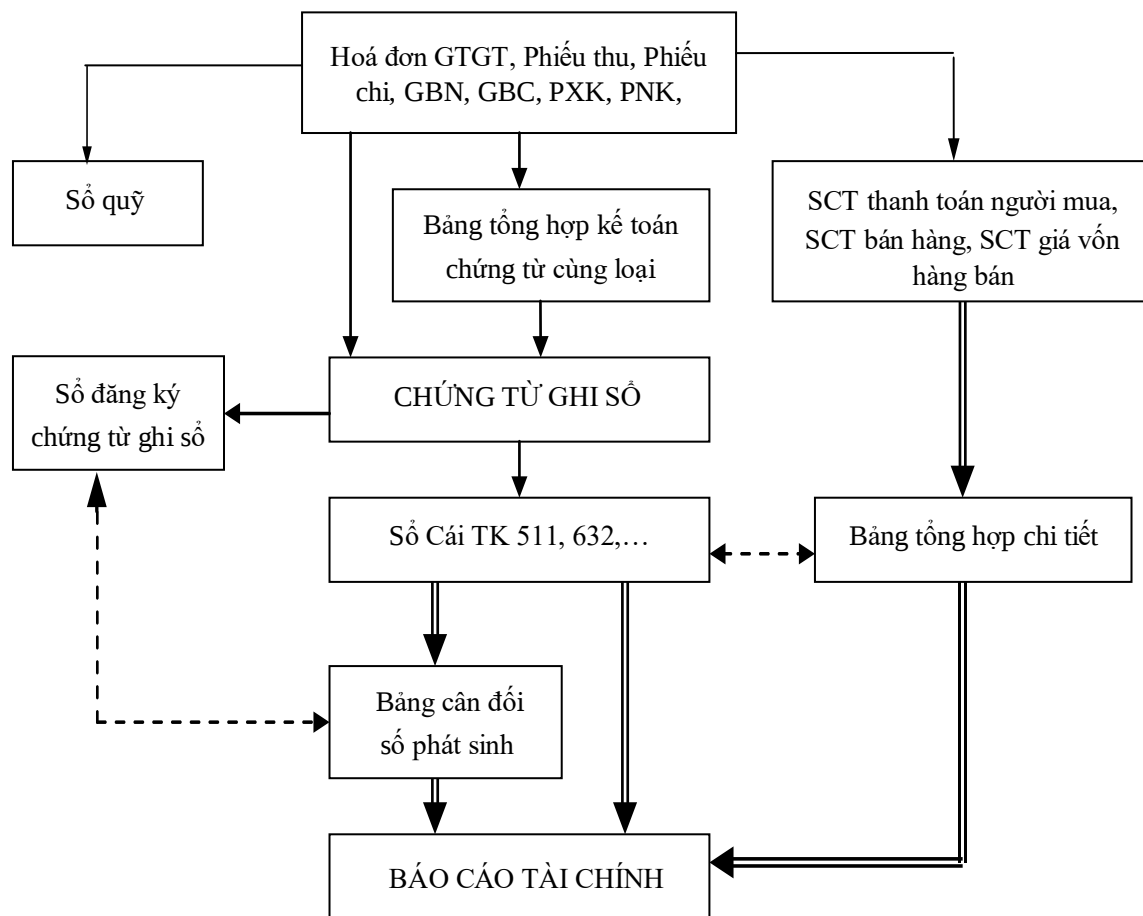


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←---> Đối chiếu, kiểm tra

Đặc điểm: Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ. Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:



Ghi chú:

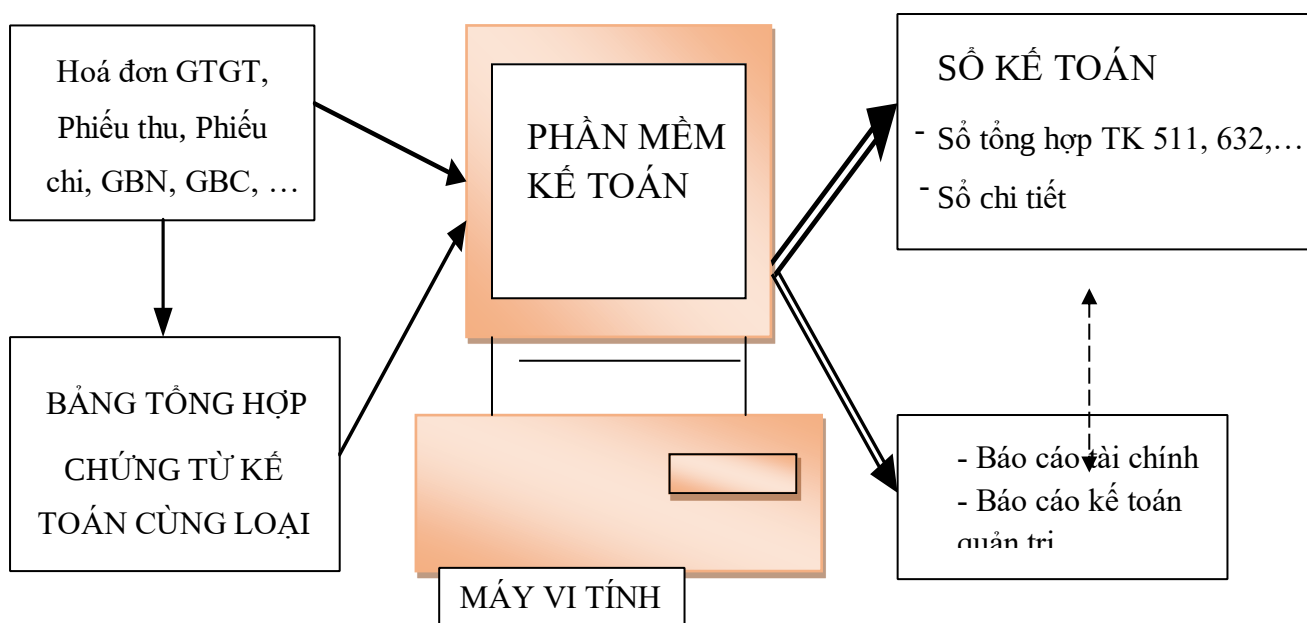
- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←---→ Đối chiếu, kiểm tra

Đặc điểm: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

- Hình thức kế toán trên máy tính:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Đặc điểm: Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Theo TT133 Tài khoản kế toán chủ yếu quy định đến TK cấp 1, chỉ một số ít TK chi tiết đến cấp 2, mỗi tài khoản phản ánh một nội dung chứ không riêng TK ngắn hạn, dài hạn. DN được tự chi tiết và theo dõi ngắn hạn, dài hạn hoặc mở các TK chi tiết theo yêu cầu quản lý của mình. Còn theo QĐ 48 Tài khoản kế toán quy định chi tiết TK cấp 1, cấp 2 ngắn hạn và dài hạn.

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1****2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.**

Công ty cổ phần xây dựng số 1 được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty Cổ phần xây dựng Số 1 là loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh với 100% vốn tư nhân. Giấy phép kinh doanh số 0203000177. Đăng kí lần đầu ngày 28 tháng 03 năm 2002.

Thông tin về Công ty:

- **Tên công ty:** CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
- **Người đại diện pháp lý:** Ông Phạm Văn Hợp – Giám đốc công ty
- **Điện thoại/Fax:** 0225 920535
- **Địa chỉ trụ sở chính:** 22A, Tôn Đức Thắng, Lê Chân, Hải Phòng
- **Mã số thuế:** 0200457555
- **Vốn điều lệ:** 25.000.000.000 VND
- **Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần
- **Quy mô doanh nghiệp:** Vừa và nhỏ
- **Số tài khoản:** 004310851004 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 là 1 công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh doanh độc lập, có con dấu riêng. Là một công ty đang trên đà phát triển với quy mô của công ty chưa lớn, thuộc công ty vừa và nhỏ. Song với quy mô này cũng có thể đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ công nhân viên và tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng số 1

- + Sửa chữa các nhà máy, trường học...
- + Xây dựng nhà các loại
- + Chuẩn bị, phá dỡ và san lấp mặt bằng
- + Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- + Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại

- + Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- + Xây dựng công trình công ích
- + Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- + Vận tải hành khách đường bộ khác
- + Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

 Những thuận lợi, khó khăn của Công ty:

✓ **Thuận lợi:**

- Nhu cầu ngày càng tăng của thị trường là điều kiện tốt cho ngành xây dựng phát triển.

- Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ chuyên môn cao. Đồng thời, công ty cũng có khả năng chủ động về vốn trong kinh doanh, đặc biệt với các công trình cơ bản phải tự bỏ vốn ban đầu, hoặc các công trình đấu thầu có thời hạn trong toàn tỉnh.

- Là công ty có bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động, bám sát cơ chế thị trường. Có trang thiết bị chuyên dùng, thường xuyên được bổ sung, đổi mới để nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Trong những năm vừa qua, được sự quan tâm của chủ đầu tư và bạn hàng truyền thống, và đặc biệt là nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, đơn vị đã có những bước phát triển rất đáng ghi nhận, tạo được nhiều công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, giúp đời sống công nhân viên ổn định hơn, ngoài ra còn đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

✓ **Khó khăn:**

- Sức cạnh tranh trên thị trường giữa các công ty xây dựng ngày càng trở nên gay gắt, yêu cầu của khách hàng cũng ngày một tăng. Vì vậy, công ty sẽ gặp nhiều khó khăn hơn trong việc nhận thầu.

- Do đặc điểm của ngành xây dựng chịu ảnh hưởng nhiều vào yếu tố thời tiết, nên khả năng ứ đọng vốn cũng như nguồn cung cấp vật liệu còn nhiều hạn chế.

- Công tác vận chuyển vật liệu đến nơi xây dựng còn gặp nhiều khó khăn do nhiều đoạn đường xe ô tô không vào được đến tận chân công trình thi công.

- Công trình thường ở xa nên tốn nhiều chi phí quản lý, đi lại. Hơn nữa có một số công trình phải thuê nhân công tại địa phương nên tay nghề của một số ít công nhân chưa thật sự cao.

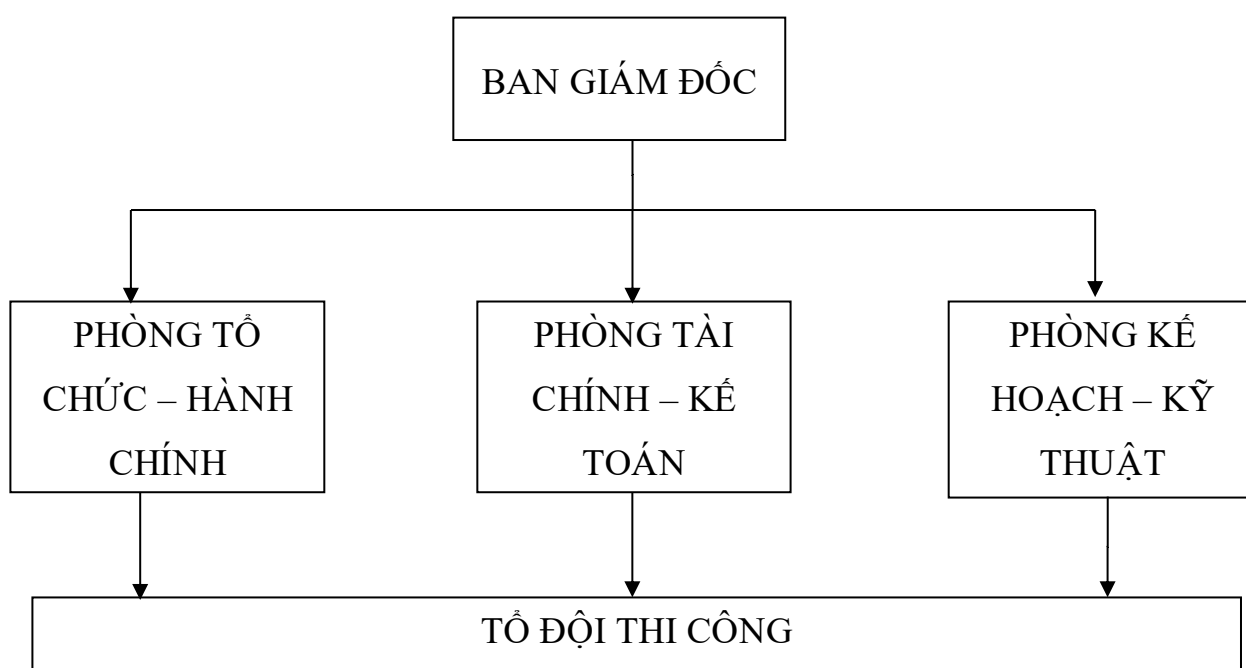
2.1.2. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là những công trình kiến trúc xây dựng, có kết cấu phức tạp, quá trình sản xuất mang tính liên tục, kéo dài, mỗi công trình đều có dự toán thiết kế riêng, địa điểm khác nhau cho nên quy trình sản xuất kinh doanh khép kín từ giai đoạn khảo sát đến giai đoạn hoàn thiện đưa vào sử dụng.

Hoạt động xây lắp tiến hành ngoài trời chịu ảnh hưởng của điều kiện thiên nhiên, ảnh hưởng đến việc quản lý tài sản vật tư, máy móc dễ bị hư hỏng và ảnh hưởng đến tiến độ thi công. Do vậy, vấn đề sinh hoạt của công nhân và an toàn cho người lao động cũng như phương tiện máy móc rất được công ty quan tâm. Để phù hợp với điều kiện xây dựng và đảm bảo ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy quản lý sản xuất theo đội, chịu sự quản lý của ban lãnh đạo công ty. Mỗi đội được giao nhiệm vụ thi công một công trình.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng Số 1 được tổ chức theo mô hình sau:



Sơ đồ 2.1: Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần xây dựng Số 1

❖ Chức năng, nhiệm vụ của từng phòng ban:

- **Ban Giám đốc:**

+ Giám đốc công ty: Là người tổ chức điều hành bộ máy quản lý và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng quản trị về toàn bộ những nhiệm vụ, quyền hạn đối với hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Các Phó Giám đốc: Là người giúp Giám đốc điều hành công ty theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về nhiệm vụ được giao.

- **Phòng kế hoạch - kỹ thuật:** Có chức năng tham mưu cho Giám đốc, xây dựng chiến lược phát triển kế hoạch dài hạn và hằng năm của công ty. Bộ phận lập kế hoạch sẽ tiến hành thu thập các thông tin cần thiết để tổ chức và lập kế hoạch về điều động vật tư, vận tải và các loại khác để đảm bảo tiến độ sản xuất.

- **Phòng tài chính - kế toán:** Giúp Giám đốc công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán để từ đó xác định hiệu quả của một thời kì kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

- **Phòng tổ chức - hành chính:** Tham mưu cho Giám đốc về việc xây dựng và tổ chức các quy chế, các điều lệ và các hành vi ứng xử trong công ty. Thực hiện các công tác quản lý, chỉ dẫn đôn đốc, kiểm tra đối với người lao động theo đúng chế độ, chính sách đã đề ra đồng thời thực hiện việc thanh tra, bảo vệ, tối ưu hóa nguồn nhân lực và tạo môi trường làm việc văn minh, ổn định trong công ty.

- **Các tổ đội thi công:** Trực tiếp tham gia vào thi công các công trình mà đội mình được giao, hoàn thành đúng tiến độ theo hợp đồng.

Qua sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động hiện nay của Công ty ta thấy:

Để phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay, đòi hỏi phải sắp xếp bộ máy quản lý phù hợp, tránh sự chồng chéo trong công tác và bố trí cán bộ có đủ khả năng, trình độ để có bộ máy quản lý hoạt động nhịp nhàng và có hiệu quả.

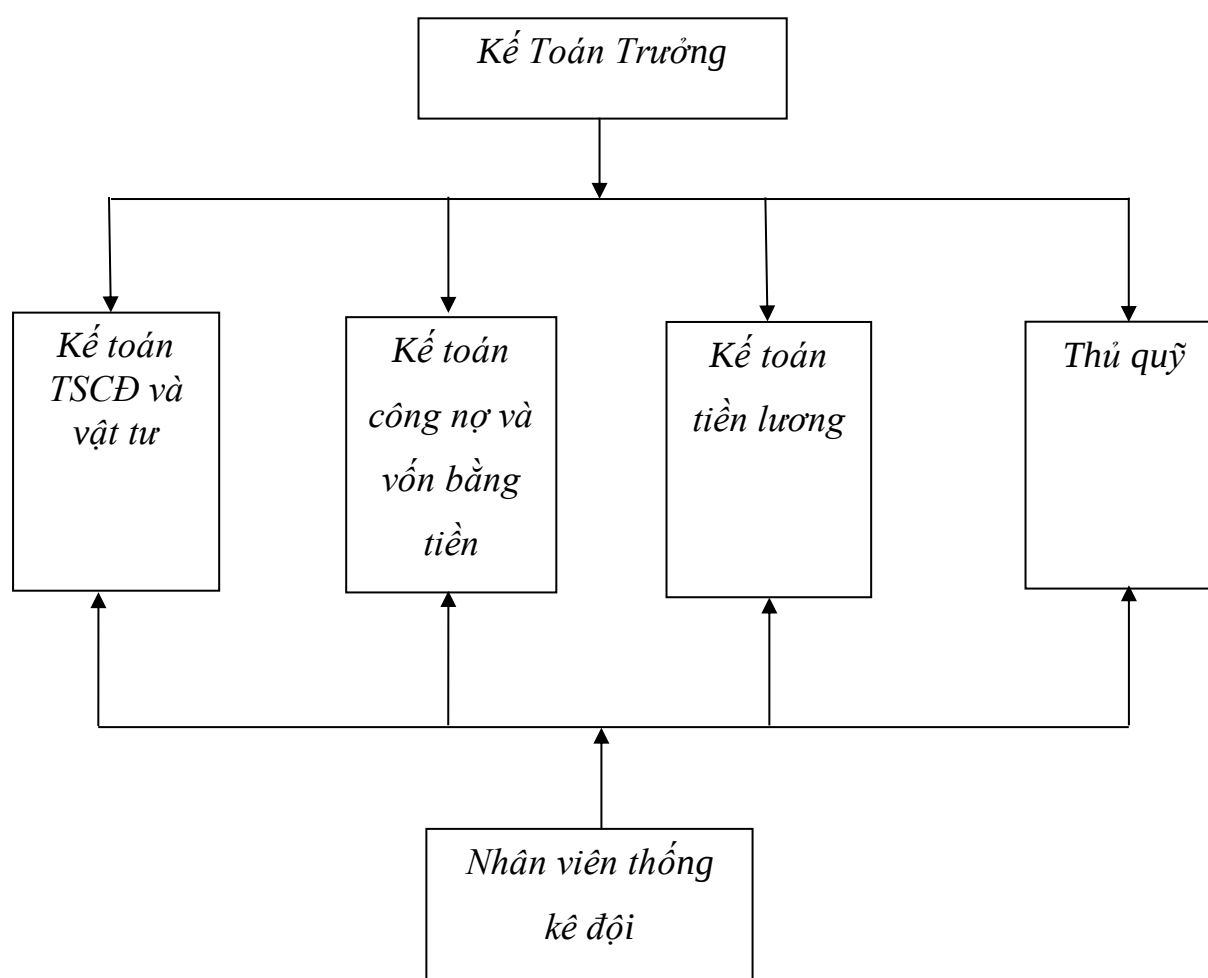
Mỗi phòng ban trong Công ty đều có chức năng, nhiệm vụ riêng nhưng giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ dưới sự điều hành của Ban Giám đốc nhằm giúp Công ty đạt được lợi ích cao nhất.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung. Toàn bộ công việc kế toán từ khâu lập chứng từ, ghi sổ chi tiết đến tổng hợp, lập báo cáo đều được thực hiện tại phòng kế toán của Công ty.

Phòng kế toán có nhiệm vụ kiểm tra toàn bộ công tác kế toán thống kê trong phạm vi toàn Công ty, giúp Ban giám đốc tổ chức công tác thông tin kinh tế và phân tích các hoạt động kinh tế, tài chính diễn ra trong Công ty. Đồng thời hướng dẫn kiểm tra thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép, chế độ hạch toán và chế độ quản lý kinh tế tài chính.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP xây dựng Số 1

***) Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán:**

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách chung khâu nghiệp vụ chuyên môn hóa phòng tài chính kế toán, đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, hướng dẫn chỉ đạo phòng ban thực hiện quản lý kinh tế đúng chế độ chính sách Nhà nước.

- **Kế toán TSCĐ và vật tư:** Theo dõi tình hình biến động của TSCĐ, tiến hành trích khấu hao cơ bản và kế hoạch sửa chữa lớn hàng tháng, hàng quý. Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu, CCDC.

- **Kế toán công nợ và vốn bằng tiền:** Theo dõi công nợ phải thu, phải trả, những hợp đồng đã ký kết, tình hình thanh toán, quyết toán các hợp đồng. Đồng thời tổng hợp chi tiết tình hình thu – chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng hàng ngày.

- **Kế toán tiền lương:** Dựa vào bảng chấm công hàng ngày và bảng kết quả công việc, kế toán tính tiền lương bao gồm lương chính, lương phụ và các khoản trích, phụ cấp mang tính chất lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty theo những quy định chung.

- **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại Công ty, các khoản thu chi, hoạt động liên quan đến tiền. Cuối ngày báo cáo tồn quỹ với Kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với Kế toán trưởng.

- **Nhân viên thống kê đội:** Theo dõi các hoạt động kinh tế phát sinh ở đội sản xuất do mình phụ trách và chấm công cho công nhân.

2.1.4.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- **Niên độ kế toán:** Công ty thực hiện niên độ kế toán theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:** Đồng Việt Nam (VND).

- **Phương pháp tính trị giá vốn hàng xuất kho:** Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán

Công ty Cổ phần xây dựng Số 1 áp dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

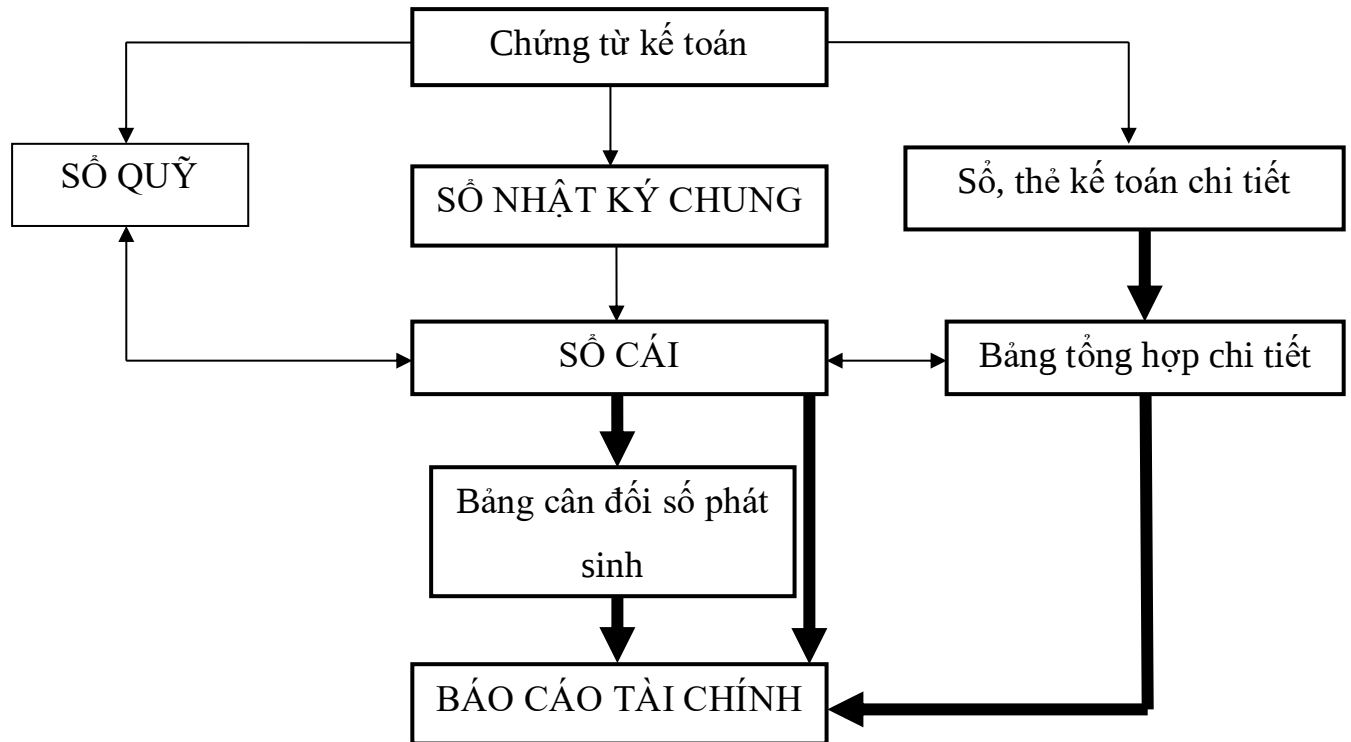
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”. Việc áp dụng hình thức này đối với nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã đáp ứng được yêu cầu dễ dàng kiểm tra, đối chiếu, thuận lợi cho việc phân công công tác.

Hàng ngày dựa vào các chứng từ, hóa đơn, phiếu thu, phiếu chi..., các nghiệp vụ phát sinh được ghi chép vào Sổ Nhật ký chung. Dựa vào số liệu từ Sổ Nhật ký chung để vào các Sổ Cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Cuối tháng, quý, năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ phần xây dựng Số 1 được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ, cuối tháng

Kiểm tra, đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DNN)

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1. Nội dung doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP xây dựng Số 1

Công ty là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Vì vậy, doanh thu của Công ty chủ yếu là từ việc xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng,...

Công ty sử dụng phương thức tiêu thụ trực tiếp. Sau khi trúng thầu, bên mua ký kết hợp đồng xây dựng với công ty. Công ty căn cứ vào hợp đồng để tiến hành cung ứng kịp thời.

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp sau:

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

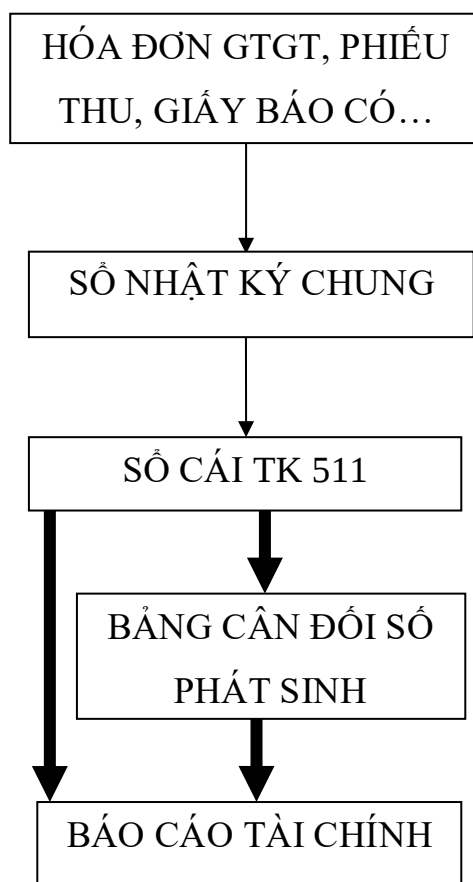
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.1.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, 131, 333...

2.2.1.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty được khái quát qua sơ đồ 2.4:

**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày 

Ghi định kỳ, cuối tháng 

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP xây dựng Số 1

Quy trình hạch toán:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Hoá đơn GTGT, Phiếu thu, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến bán hàng vào Sổ Nhật ký chung, từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 và các tài khoản có liên quan.

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập Bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên Sổ cái với Bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.5. Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1 : Ngày 21/8/2016, Trường mầm non Hàng hải I kí hợp đồng bàn giao công trình thi công khu vui chơi và phòng học Trường mầm non Hàng Hải I cho Công ty Cổ phần xây dựng số 1, với tổng giá trị trên hợp đồng là 4.129.500.830đ. Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

- Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000096 (Biểu số 2.1), kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2), Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3).

Biểu số 2.1 – Hoá đơn GTGT số 0000096

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội bộ</i> Ngày...28...tháng...10...năm 2016...			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/16P Số: 0000096												
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1															
Mã số thuế : <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 200px;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>5</td><td>7</td><td>5</td><td>5</td><td>5</td></tr></table>						0	2	0	0	4	5	7	5	5	5
0	2	0	0	4	5	7	5	5	5						
Địa chỉ : 22A TÔN ĐỨC THẮNG – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG															
Điện thoại : 0225 920535			* Fax:												
Số tài khoản : ...0521005453685.....															
Tại : ...Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương - chi nhánh Hải Phòng.....															
Họ tên người mua hàng :Phạm Văn Tại.....															
Tên đơn vị : ...Trường Mầm non Hàng Hải I.....															
Mã số thuế : <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center; width: 200px;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>8</td><td>1</td><td>3</td><td>8</td></tr></table>						0	2	0	0	2	8	8	1	3	8
0	2	0	0	2	8	8	1	3	8						
Địa chỉ : 1/427 Đồng Tâm - Phương Khê - Đồng Hòa - Kiến An - Hải Phòng.....															
Hình thức thanh toán :Số tài khoản :															
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6=4x5										
1	Giá trị hoàn thành gói thầu : Khu vui chơi và phòng học trường mầm non Hàng Hải 1				3.754.091.664										
Cộng tiền hàng :3.754.091.664...															
Thuế suất GTGT: ...10..% Tiền thuế GTGT :375.409.166...															
Tổng cộng tiền thanh toán :4.129.500.830															
Số tiền viết bằng chữ : ... Bốn tỷ một trăm hai mươi chín triệu năm trăm tám trăm ba mươi đồng															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)															

Biểu số 2.2 – Trích Sổ Nhật ký chung**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1***Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng***Mẫu số : S03a –DNN***Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC***NHẬT KÝ CHUNG****Năm 2016***Đơn vị tính: đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
09/10	PC284	09/10	Chi phí tiếp khách	6422	2.000.000	
				1331	200.000	
				111		2.200.000
...	...	...	...	...	...	...
19/10	PC306	23/10	Chi tiền mặt gửi vào ngân hàng	112	50.000.000	
				111		50.000.000
...	...	...	...	...	...	...
28/10	HĐGTGT96	28/10	Quyết toán công trình trường mầm non hàng hải I	131	4.129.500.803	
				511		3.754.091.664
				3331		375.409.166
28/10	PKT23	28/10	Trị giá vốn công trình trường mầm non hàng hải I	632	3.490.162.500	
				154		3.490.162.500
...	...	...	...	...	...	...
16/12	GBC348	16/12	Công ty TNHH Đức Lâm thanh toán tiền nợ	112	108.236.570	
				131		108.236.570
...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm		215.585.405.647	215.585.405.647

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn số liệu: Phòng tài chính – kế toán công ty cổ phần xây dựng số 1)*

Biểu 2.3 : Sổ cái TK 511**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1***Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng***Mẫu số : S03a –DNN***Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006
của bộ trưởng BTC***SỔ CÁI**

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
17/10	HĐGTGT13	17/10	Công ty TNHH Đức Thịnh chưa thanh toán tiền tháo dỡ	131		82.727.000
...	...	...	...	...	...	...
28/10	HĐGTGT96	28/10	Doanh thu quyết toán CT trường mầm non cao đẳng hàng hải 1	131		4.129.500.803
...	...	...	...	...	...	...
19/12	HĐGTGT120	20/12	Công ty TNHH Minh Trung thanh toán tiền thiết kế	112		17.525.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	11	25.235.920.702	
			Cộng số phát sinh		25.235.920.702	25.235.920.702
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(kí, họ tên)Giám đốc
(kí, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.**2.2.2.1. Nội dung giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần số 1**

Công ty hạch toán giá vốn theo từng công trình, hạng mục. Khi công trình hoàn thành giao cho chủ đầu tư, kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình.

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành.

2.2.2.2. Chứng từ sử dụng

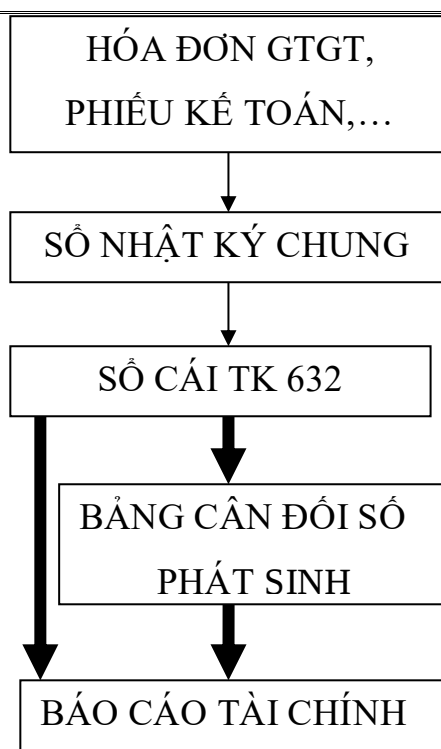
- Bảng giá thành sản phẩm công trình
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Chứng từ khác có liên quan.

2.2.2.3. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán

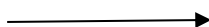
2.2.2.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi định kỳ



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần xây dựng số 1

Hàng ngày, căn cứ vào các Hoá đơn GTGT và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép bút toán giá vốn của nghiệp vụ bán hàng vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK 632,... Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối phát sinh.

2.2.2.5. Ví dụ minh họa

VD 2.2: (Minh họa tiếp nghiệp vụ giá vốn của ví dụ 2.1)

Ngày 28/10/2016, Công ty nhận công trình Thi công trường mầm non Hàng Hải I (công trình này được khởi công từ ngày 26/07/2016) với tổng giá trị trên hợp đồng là 4.129.500.830. Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên. Trị giá vốn công trình: 3.490.162.500đ. Căn cứ vào Bảng giá trị vật liệu công trình – Biểu số 2.4 kế toán lập Bảng giá thành sản phẩm công trình – Biểu số 2.5).

♥ Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000096 (Biểu số 2.1), kế toán lập Phiếu kế toán số 23 (Biểu số 2.6). Từ Hoá đơn, Phiếu kế toán, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.7), Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.8).

Biểu số 2.4 - Bảng giá trị vật tư công trình

BẢNG GIÁ TRỊ VẬT LIỆU CÔNG TRÌNH

Trường mầm non hàng hải 1

Từ ngày 01/01/2016 đến 31/10/2016

STT	Mã số	Tên vật tư	Đơn vị	Khối lượng	Thành tiền(VNĐ)
1	TT	Khóa cửa đi (Việt Tiệp)	bo	162	470.000
2	TT	Động cơ cửa cuốn loại 400 kg	bo	1	5.900.000
.....					
					
28	TT	Vách nhựa ngăn vệ sinh tầng 2+3	m2	28,5	1.200.000
29	A24.066	Cát vàng	m3	549,947	65.122.000
30	A24.062	Cát mịn ML 1,5 -2	m3	232,046	60.201.000
.....					
		Tổng cộng			2.302.667.500

Ngày 31 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5 - Bảng giá thành sản phẩm công trình**BẢNG GIÁ THÀNH SẢN PHẨM CÔNG TRÌNH:****Trường mầm non hàng hải 1****Từ ngày 01/01/2016 đến 31/10/2016***Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	CPDD đầu kỳ	CP Phát sinh trong kỳ	CPDD cuối kỳ	Tổng giá thành sản phẩm
CP nguyên vật liệu	-	2.302.667.500	-	2.302.667.500
CP nhân công	-	816.562.241	-	816.562.241
CP sản xuất chung	-	370.932.759	-	370.932.759
Tổng		3.490.162.500	-	3.490.162.500

*Ngày 31 tháng 10 năm 2016***NGƯỜI LẬP BIỂU***(Ký, ghi rõ họ tên)***KẾ TOÁN TRƯỞNG***(Ký, ghi rõ họ tên)***GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên)***Biểu số 2.6 – Phiếu kế toán số 23****CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

22A Tôn Đức Thắng – Lê Chân – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN*Ngày 28 tháng 10 năm 2016***Số 23****ĐVT:VNĐ**

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Giá vốn công trình trường mầm non hàng hải 1	632	154	3.490.162.500
	Cộng			3.490.162.500

Bằng chữ: Ba tỉ ba trăm chín mươi triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng.**Người lập phiếu***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.7 – Trích Sổ Nhật ký chung
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
 Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S03a – DNN
 Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
 bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

ĐVT:VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
09/10	PC284	09/10	Chi phí tiếp khách	6422	2.000.000	
				1331	200.000	
				111		2.200.000
...	...	...	...	...	...	...
19/10	PC306	23/10	Chi tiền mặt gửi vào ngân hàng	112	50.000.000	
				111		50.000.000
...	...	...	...	...	...	...
28/10	HĐGTGT96	28/10	Quyết toán công trình trường mầm non Hàng Hải I	131	4.129.500.803	
				511		3.754.091.664
				3331		375.409.166
28/10	PKT23	28/10	Trị giá vốn công trình trường mầm non hàng hải I	632	3.490.162.500	
				154		3.490.162.500
...	...	...	...	...	...	...
16/12	GBC348	16/12	Công ty TNHH Đức Lâm thanh toán tiền nợ	112	108.236.570	
				131		108.236.570
...	...	...	...	...	...	...
Cộng phát sinh năm					215.585.405.647	215.585.405.647

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính – kế toán công ty cổ phần xây dựng số 1)

Biểu số 2.8 – Trích Sổ Cái TK 632**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S03a –DNN

Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006
của bộ trưởng BTC**SỔ CÁI**

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
17/10	HĐGTGT13	17/10	Công ty TNHH Đức Thịnh chưa thanh toán tiền tháo dỡ	131		82.727.000
...	...	...	...	...	...	...
28/10	HĐGTGT96	28/10	Doanh thu quyết toán CT trường mầm non cao đẳng hàng hải 1	131		4.129.500.803
28/10	PKT23	28/10	Trị giá vốn công trình trường mầm non hàng hải 1	154		3.490.162.500
			...			
19/12	HĐGTGT120	20/12	Công ty TNHH Minh Trung thanh toán tiền thiết kế	112		17.525.000
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	911	25.235.920.702	
			Cộng số phát sinh		25.235.920.702	25.235.920.702
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(kí, họ tên)Giám đốc
(kí, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

2.2.3.1. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty CP xây dựng Số 1

Chi phí quản lý kinh doanh của Công ty bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN; chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác,...

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng

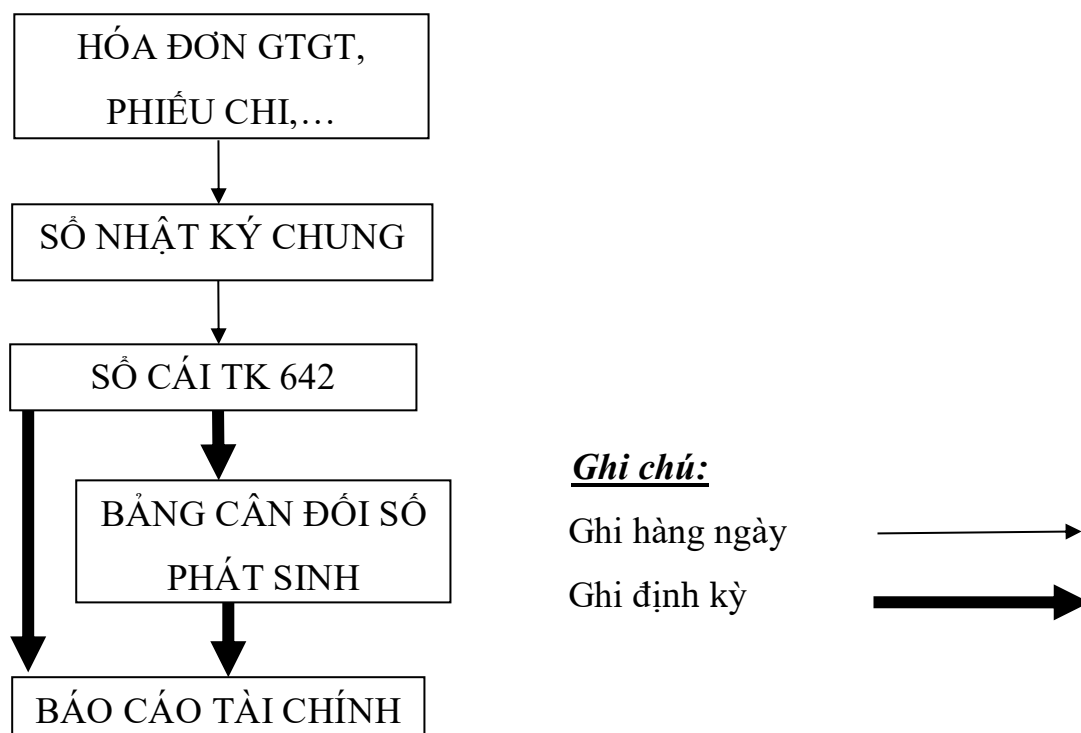
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.3.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty

Hàng ngày, căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng tính và phân bổ khấu hao, Hoá đơn GTGT,..., kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Chi phí bán hàng và Chi phí QLDN vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái TK 642,...

Cuối tháng, số liệu trên các Sổ cái của các tài khoản trên được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.3.5. Ví dụ minh họa

VD 2.3: Ngày 15/12/2016, Công ty đã chi tiền mặt thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2016 với số tiền là 378.599 (bao gồm VAT 10%).

♥ Căn cứ vào Hoá đơn dịch vụ viễn thông (Biểu số 2.9), kế toán lập Phiếu chi số 328 (Biểu số 2.10). Từ bút toán trên, kế toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) và Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.15).

VD 2.4: Ngày 25/12/2016, thanh toán tiền xăng xe cho ông Hoàng Văn Quân lái xe cho Giám đốc, số tiền 1.182.588đ

♥ Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán ngày 25/12 của Ông Hoàng Văn Quân (Biểu số 2.11), Hoá đơn GTGT số 0002103 (Biểu số 2.12), kế toán viết Phiếu chi số 339 (Biểu số 2.13). Từ các chứng từ trên, kế toán tiến hành vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) và Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.15).

Biểu số 2.9 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông T11/2016



HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)

Mẫu số: 01GTKT2/001

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE(VAT)

Ký hiệu(Serial No):AD/16T

Liên 2: Giao khách hàng (Customer copy)

Số(No): **0117934**

Mã số thuế

0	1	0	6	8	6	9	7	3	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Viễn thông

(Telecommunication): Hải Phòng

Địa chỉ: Tòa nhà VNPT, Số4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty CP xây dựng Số 1

Địa chỉ (Address): Số 22 Tôn Đức Thắng – Lê Chân – Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): 0333.640908

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

MST:

0	2	0	0	4	5	7	5	5	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng: 11/2016				
	A. Cước dịch vụ viễn thông tháng 11/2016				335.200
	B. Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					335.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%x(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					33.520
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					368.720

Số tiền viết bằng chữ (In words): **Ba trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng.**

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Người nộp tiền ký

(Signature of paper)

Nhân viên giao dịch ký

(Signature of dealing staff)

Biểu số 2.10 – Phiếu chi số 328

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 1
Địa chỉ: số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 15/12/2016

Số: 328

Nợ TK 6422: 335.200

Nợ TK 1331: 33.520

Có TK 111: 368.720

Họ tên người nhận tiền: **Đào Thị Thu Hằng**

Địa chỉ: Phòng tài chính – Kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2016

Số tiền: **368.720 đ.**

Bằng chữ: Ba trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng.

Kèm theo :01....Chứng từ gốc

Hải Phòng, Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị
 (Ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký)

Người lập
 (Ký)

Thủ quỹ
 (Ký)

Người nhận tiền
 (Ký)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Ba trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm hai mươi đồng.**

+ Tỉ giá ngoại tệ:.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

Biểu số 2.11 – Giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số: 05-TT

*(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Kính gửi:Công ty CP xây dựng Số 1.....

Họ và tên người đề nghị thanh toán:Hoàng Văn Quân.....

Bộ phận (Hoặc địa chỉ):Lái xe.....

Nội dung thanh toán:Chi tiền mua xăng ngày 23 tháng 12 năm 2016.....

Số tiền:1.182.588đ... (Viết bằng chữ): ... Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng.....

(Kèm theo 01..... chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT 0002103)

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.12 – Hoá đơn GTGT số 0002103

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01GTKT3/001		
<i>Liên 2 : Giao người mua</i>			<i>Ký hiệu : AA/14P</i>		
<i>Ngày 23 tháng 12 năm 2016</i>			<i>Số 002103</i>		
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PVOIL HẢI PHÒNG					
Mã số thuế : 0201185752					
Đại chỉ : Số 221-223 Văn Cao, Phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng					
Điện thoại : 031.3745255					
Họ tên người mua hàng : Hoàng Văn Quân					
Tên đơn vị : Công ty Cổ phần xây dựng số 1					
Mã số thuế : 0200457555					
Đại chỉ : Số 22 –Tôn Đức Thắng - Hải Phòng					
Hình thức thanh toán : trả tiền mặt					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Xăng Ron 95	lít	62	17.340	1.075.080
Cộng tiền hàng :					1.075.080
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế GTGT :			107.508
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.182.588
Số tiền viết bằng chữ : Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng	
		đơn vị			
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu,	
		ghi rõ họ tên)			

(Nguồn số liệu:Phòng tài chính-kế toán công ty Cổ phần xây dựng số 1)

Biểu số 2.13 – Phiếu chi số 339

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 Tôn Đức Thắng –Hải Phòng

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/TT-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 25/12/2016

Số: 339

Nợ:.....642.....

Nợ:1331.....

Có:.....111.....

Họ tên người nhận tiền: **HOÀNG VĂN QUÂN**

Địa chỉ: văn phòng

Lý do chi: mua xăng lái xe cho giám đốc

Số tiền: **1.182.588đ**

Bằng chữ: **Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng.**

Hải Phòng, Ngày 25 tháng 12 năm 2016

Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký)	Người lập (Ký)	Thủ quỹ (Ký)	Người nhận tiền (Ký)
--	-------------------------------	--------------------------	------------------------	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn năm trăm tám mươi tám đồng**

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc , đá quý):.....

- Số tiền quy đổi :.....

Biểu số 2.14 – Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 Tôn Đức Thắng-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số cái	STT đồng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/08	PC250	10/08	Chi tiền mua văn phòng phẩm			642	10.000.000	
						133	1.000.000	
						111		11.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC328	15/12	Thanh toán tiền điện thoại T11/2016			6422	335.200	
						1331	33.520	
						111		368.720
...	...	...	...	...	...	...	...	...
25/12	PC339	25/12	Thanh toán tiền mua xăng			642	1.075.080	
						133	107.508	
						111		1.182.588
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	BL12	31/12	Tính lương phải trả cho bộ phận quản lý T12/2016			6422	48.520.000	
						334		48.520.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm				215.585.405.647	215.585.405.647

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15 – Trích Sổ Cái TK 642**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

Số 22 Tôn Đức Thắng-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu TK: 642

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
...	...	...	...	...	...	...
08/01	PC09	08/01	Chi tiền sửa máy tính các phòng ban	111	1.030.000	
...	...	...	...	...	...	...
10/08	PC250	10/08	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	11.000.000	
15/12	PC328	15/12	Thanh toán tiền điện thoại T11/2016	111	368.720	
...	...	...	...	...	...	...
25/12	PC339	25/12	Thanh toán tiền xăng	111	1.182.588	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	911		492.747.964
			Cộng số phát sinh		7.372.775.922	7.372.775.922
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**2.2.4.1. Nội dung doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1**

- Công ty chú trọng vào việc xây dựng các công trình nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Vì vậy, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do các khoản lãi nhận từ ngân hàng.

- Chi phí tài chính của Công ty là khoản tiền trả lãi vay trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên, trong năm 2016 tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1 không phát sinh khoản chi phí tài chính nào.

2.2.4.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ
- Phiếu thu, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.3. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635: Chi phí tài chính

2.2.4.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1 được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1

Hàng ngày, căn cứ vào Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy báo Nợ, Giấy báo Có,... kế toán ghi chép các nghiệp vụ liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính và Chi phí tài chính vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái của các tài khoản liên quan. Cuối tháng, số liệu trên Sổ cái các tài khoản đó được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh.

2.2.4.5. Ví dụ minh họa

VD 2.5: Ngày 29/12/2016, nhận được thông báo về trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN, số tiền 4.801.103đ.

♥ Kế toán căn cứ vào Giấy báo Có của ngân hàng (Biểu số 2.16) để ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17) và Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.18).

Biểu số 2.16 – Giấy báo CÓ

Ngân hàng thương mại cổ phần công Thương Việt Nam - chi nhánh Hải Phòng

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 29 tháng 12 năm 2016

Mã GDV NGO THI HA

Mã KH 3200276055

Số GD 356

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Mã số thuế: 0200457555

Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của khách hàng với nội dung như sau

Số tài khoản ghi có: 004310851004

Số tiền: 4.801.103đ

Số tiền bằng chữ :bốn triệu tám trăm linh một nghìn một trăm linh ba đồng.

Nội dung: ##Lãi tiền gửi nhập gốc##

Giao dịch viên

(ký, họ tên)

Kiểm soát

(ký, họ tên)

Biểu số 2.17 – Trích Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 Tôn Đức Thắng-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
01/03	PT78	01/03	Rút TGNH nhập quỹ			111	100.000.000	
						112		100.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
10/08	GBC252	10/08	Công ty TNHH Mai Linh trả nợ bằng TGNH			112	25.000.000	
						131		25.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
06/12	PC322	06/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng			112	50.000.000	
						111		50.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PC328	15/12	Thanh toán tiền điện thoại T11/2016			6422	335.200	
						1331	33.520	
						111		368.720
...	...	...	...	...	...	...	...	...
29/12	GBC356	29/12	Lãi tiền gửi T12/2016			112	4.801.103	
						515		4.801.103
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			Cộng phát sinh năm				119.568.275.396	119.568.275.396

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18 – Trích Sổ Cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 Tôn Đức Thắng-Lê Chân- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			<u>Số phát sinh</u>			
...	...	...	...	...	...	...
29/12	GBC356	29/12	Nhận lãi tiền gửi của NH T12/2016	112		4.801.103
...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	4.855.192	
			Cộng số phát sinh		101.855.192	101.855.192
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Trong năm 2016, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ kế toán liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**2.2.6.1. Nội dung kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1**

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển Doanh thu thuần, Doanh thu hoạt động tài chính vào bên Có của TK 911. Đồng thời kết chuyển Giá vốn hàng bán, Chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ của TK 911.

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK 911 lớn hơn tổng số phát sinh bên Có của TK 911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh bị thua lỗ. Kế toán kết chuyển phân chênh lệch sang bên Nợ TK 421:

Nợ TK 421

Có TK 911

+ Nếu tổng số phát sinh bên Nợ của TK 911 nhỏ hơn tổng số phát sinh bên Có của TK 911 thì chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế TNDN phải nộp Nhà nước như sau:

Thu nhập chịu thuế = SPS bên Có TK 911 – SPS bên Nợ TK 911

Thuế TNDN = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “Lợi nhuận sau thuế”:

Nợ TK 911

Có TK 421

2.2.6.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

2.2.6.3. Tài khoản sử dụng

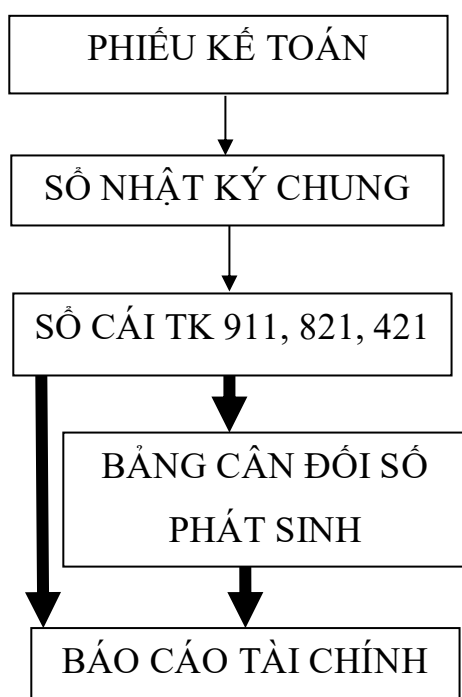
- Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết: + Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

+ Tài khoản 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

2.2.6.4. Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần xây dựng Phù Đồng được khái quát qua sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1

Cuối kỳ, kế toán lập các Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào các Phiếu kế toán, các nghiệp vụ trên được ghi chép vào Sổ Nhật ký chung. Từ Sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản có

liên quan. Số liệu trên Sổ cái được phản ánh vào Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, kế toán tiến hành lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.5 Ví dụ minh họa

Ngày 31/12/2016, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh năm 2016.

Trong đó:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	25.235.920.702
+ Giá vốn hàng bán:	24.576.245.674
+ Chi phí quản lý kinh doanh:	538.918.220
+ Doanh thu hoạt động tài chính:	101.855.192
Φ Tổng phát sinh bên Có TK 911:	
KC Doanh thu BH và CCDV:	25.235.920.702
KC Doanh thu hoạt động tài chính:	101.855.192
Tổng	25.337.775.894

Φ Tổng phát sinh bên Nợ TK 911:

KC Giá vốn hàng bán:	24.576.245.674
KC Chi phí quản lý kinh doanh:	538.918.220
Tổng	25.115.163.894

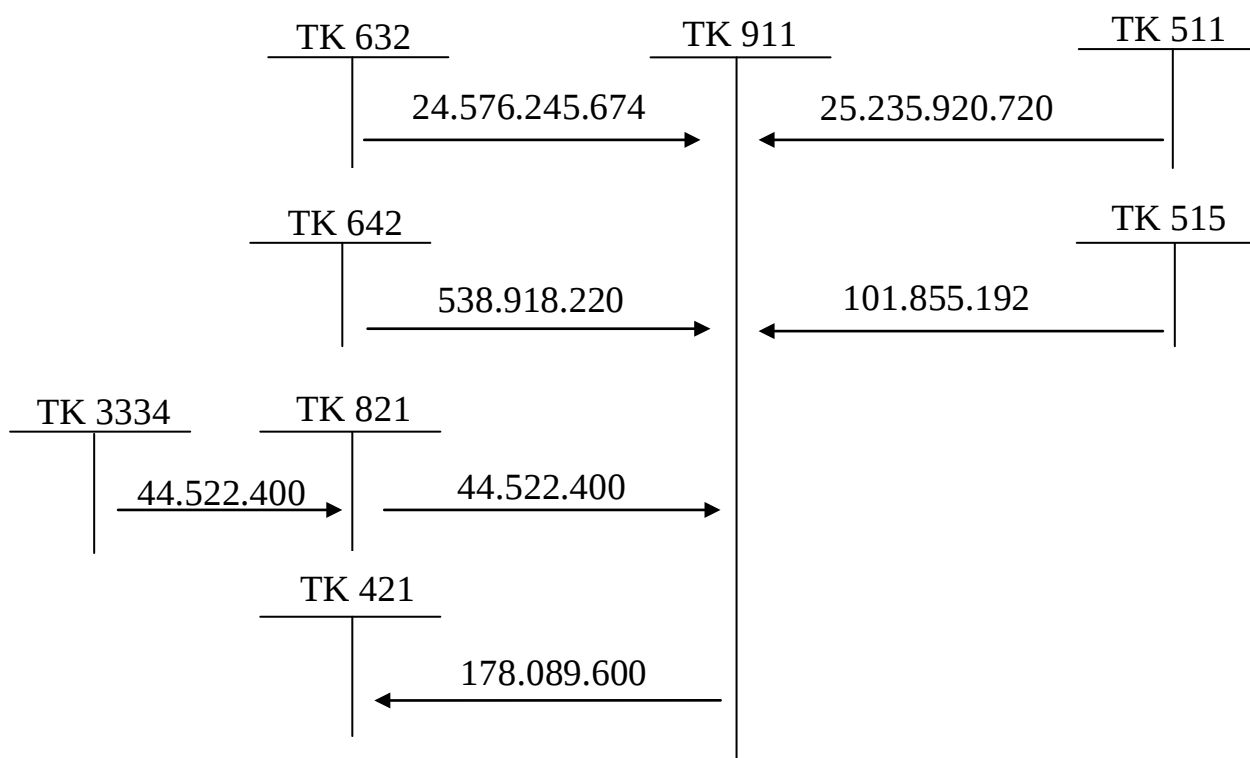
Φ Thu nhập chịu thuế = 25.337.775.894 - 25.115.163.894 = 222.612.000

Φ Thuế TNDN phải nộp = 222.612.000 x 20% = 44.522.400

Lợi nhuận sau thuế TNDN = 222.612.000 - 44.522.400 = 178.089.600

Sau khi xác định lãi, kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang tài khoản 421.

Các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí có thể được khái quát qua sơ đồ sau:



Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 45

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 45

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	K/c Doanh thu BH và CCDV	511	911	25.235.920.702
2	K/c Doanh thu hoạt động TC	515	911	101.855.192
	Cộng			25.337.775.894

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 46

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 46

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	24.576.245.674
2	K/c Chi phí QLKD	911	642	538.918.220
	Cộng			24.114.263.894

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21 – Phiếu kế toán số 47

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 47

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	Xác định chi phí thuế TNDN	821	3334	44.522.400
	Cộng			44.522.400

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22 – Phiếu kế toán số 48

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 48

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	44.522.400
	Cộng			44.522.400

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.23 – Phiếu kế toán số 49

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 49

STT	NỘI DUNG	TK NỢ	TK CÓ	SỐ TIỀN
1	K/c LNST (K/c lãi)	911	421	178.089.600
	Cộng			178.089.600

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.24 – Trích Sổ Nhật ký chung**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S03a –DNNTheo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của bộ
trưởng BTC**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Số cái	STT dòng	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...	...
06/12	PC322	06/12	Nộp tiền vào TK ngân hàng			112	40.000.000	
						111		40.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV			511	25.235.920.702	
						911		25.235.920.702
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			515	101.855.192	
						911		101.855.192
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911	24.576.245.674	
						632		24.576.245.674
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD			911	538.918.220	
						642		538.918.220
31/12	PKT47	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN			821	44.522.400	
						3334		44.522.400
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN			911	44.522.400	
						821		44.522.400
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển LNST			911	178.089.600	
						421		178.089.600
			Cộng phát sinh năm				215.585.405.647	215.585.405.647

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25 – Trích Sổ Cái TK 911**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1***Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng***Mẫu số : S03b – DNN***Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC***SỔ CÁI**

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu BH và CCDV	511		25.235.920.702
31/12	PKT45	31/12	Kết chuyển doanh thu HĐTC	515		101.855.192
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	24.576.245.674	
31/12	PKT46	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642	538.918.220	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	44.522.400	
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	421	178.089.600	
			Cộng số phát sinh		25.337.775.894	25.337.775.894
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2016***Người ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.26 – Trích Sổ Cái TK 821

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S03b –DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			<u>Số phát sinh</u>			
31/12	PKT47	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	44.522.400	
31/12	PKT48	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		44.522.400
			Cộng số phát sinh		44.522.400	44.522.400
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.27 – Trích Sổ Cái TK 421

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S03b –DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>31.098.386</u>
			Số phát sinh			
31/12	PKT49	31/12	Kết chuyển lãi	911		178.089.600
			Cộng số phát sinh			209.187.986
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>209.187.986</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.28 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : B02 – DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2016***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
	(A)	(B)	(C)	(1)	(2)
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	25.235.920.702	18.147.608.510
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		25.235.920.702	18.147.608.510
4	4. Giá vốn hàng bán	11		24.576.245.674	17.638.159.777
5	5. Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		659.675.028	509.448.733
6	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		101.855.192	419.134.687
7	7. Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		538.918.220	849.680.616
9	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		124.612.000	78.902.804
10	10. Thu nhập khác	31		0	0
11	11. Chi phí khác	32		0	0
12	12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
13	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	124.612.000	78.902.804
14	14. Chi phí thuế TNDN	51		44.522.400	15.780.561
15	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		178.089.600	63.122.243

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1****3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.**

Công ty CP xây dựng Số 1 là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường, có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh.

Với nền kinh tế thị trường đang có sự cạnh tranh gay gắt giữa các thành phần kinh tế, và lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức được sự chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế trong nước cũng như quốc tế.

Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, phần đầu đạt được thành tích cao trong các lĩnh vực mà mình tham gia. Lấy phương châm đặt chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, Công ty đã dành được sự tín nhiệm của nhiều khách hàng trong và ngoài tỉnh. Thị trường của Công ty không ngừng được mở rộng. Đặc biệt Công ty đã đầu tư chiều sâu trang thiết bị hiện đại, tiên tiến, trau dồi năng lực đội ngũ công nhân viên, đáp ứng mọi nhu cầu trong thời kỳ đổi mới.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp xúc với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, phù hợp với tình hình thực tế của công ty có quy mô vừa và nhỏ, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát, đảm bảo được sự lãnh đạo thống nhất. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác. Qua đó, ban lãnh đạo cũng nhanh chóng, dễ dàng nắm bắt được tình hình hoạt động của toàn công ty, trên cơ sở đó có thể quản lý và đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp trong các kỳ tiếp theo. Mặt khác, các cơ quan Nhà nước cũng có thể nắm bắt được các thông tin về công ty để thuận tiện cho việc quản lý, giám sát.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, mỗi nhân viên được phân công nhiệm vụ và quyền hạn nhất định, tránh chồng chéo nhiệm vụ nên độ chính xác cao, giảm được nhiều sai sót và bảo vệ được thông tin nội bộ quan trọng.

❖ Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006.

Về cơ bản, Công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ tài chính. Mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có đầy đủ chứng từ liên quan, đảm bảo cho công tác kế toán được thực hiện đúng đắn và việc kiểm tra, đối chiếu số liệu diễn ra dễ dàng, chính xác.

❖ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán. Đây là hình thức kế toán khá đơn giản, dễ thực hiện, hệ thống sổ sách gọn nhẹ, thích hợp với mọi đơn vị hạch toán.

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

- Về công tác kế toán doanh thu: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ hiện hành. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến xây dựng công trình đều được phản ánh kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà quản trị công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong kỳ đều được công ty quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết để tối đa hóa lợi nhuận.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty. Các kế toán rất có trách nhiệm với công việc, kết quả kinh doanh luôn được họ tính toán một cách chính xác theo đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành, qua đó phản ánh xác thực và kịp thời tình hình kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Hạn chế.

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán tại Công ty cũng khó tránh khỏi một số hạn chế. Sau đây là hạn chế của Công ty:

❖ Về hình thức kế toán:

Công ty vẫn áp dụng kế toán thủ công dùng trên Excel nên đôi khi vẫn có những sai sót về số liệu. Vì vậy, Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán, phần mềm sẽ giúp kế toán hạch toán chính xác hơn, đảm bảo tính chính xác và kịp thời.

❖ Về hệ thống sổ kế toán:

Công ty kinh doanh lĩnh vực chính là xây dựng. Khối lượng công việc phát sinh không nhiều nhưng lại phức tạp. Tuy nhiên, khi hạch toán doanh thu, Công ty chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ cái chứ không mở sổ theo dõi chi tiết cho các tài khoản như: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh... Điều này gây khó khăn cho việc theo dõi, quản lý doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng công trình.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán:

Về cơ bản, mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các phòng ban đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có phiếu giao nhận chứng từ, vì thế khi xảy ra mất mát chứng từ thì không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 1.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1.

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp

thời về tình hình lỗ lãi thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp.

Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty chưa được hoàn thiện gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về giá vốn, chi phí giá thành chưa được đầy đủ, chi tiết, chính xác. Vì vậy, việc hoàn thiện tổ chức kế toán này sẽ giúp cung cấp số liệu chính xác, có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành. Từ đó, giúp kế toán lập báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý đồng thời giúp nhà quản trị nhận định được tình hình kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có đạt được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước như thế nào và có đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm tăng lợi nhuận. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Nguyên tắc để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản quy phạm có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi người quản lý phải xem xét chúng sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty: Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh, trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ kế toán, thể lệ tài chính trong doanh nghiệp phải hợp lý, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời và phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp giúp cho người quản

lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện song phải dựa trên cơ sở là tiết kiệm và hiệu quả.

3.2.3. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán công ty. Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu tình hình thực tế cũng như các vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.2.3.1. Hiện đại hoá công tác kế toán:

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán bằng việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, AMIS.VN, FAST, SASINNOVA,... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp kế toán đưa ra các báo cáo chính xác, nhanh chóng nhất phục vụ cho công tác quản trị của Ban Giám đốc. Giúp Ban Giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh, tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng. Sau đây em xin giới thiệu qua về các phần mềm kế toán khá phổ biến ở Việt Nam:

➤ Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017

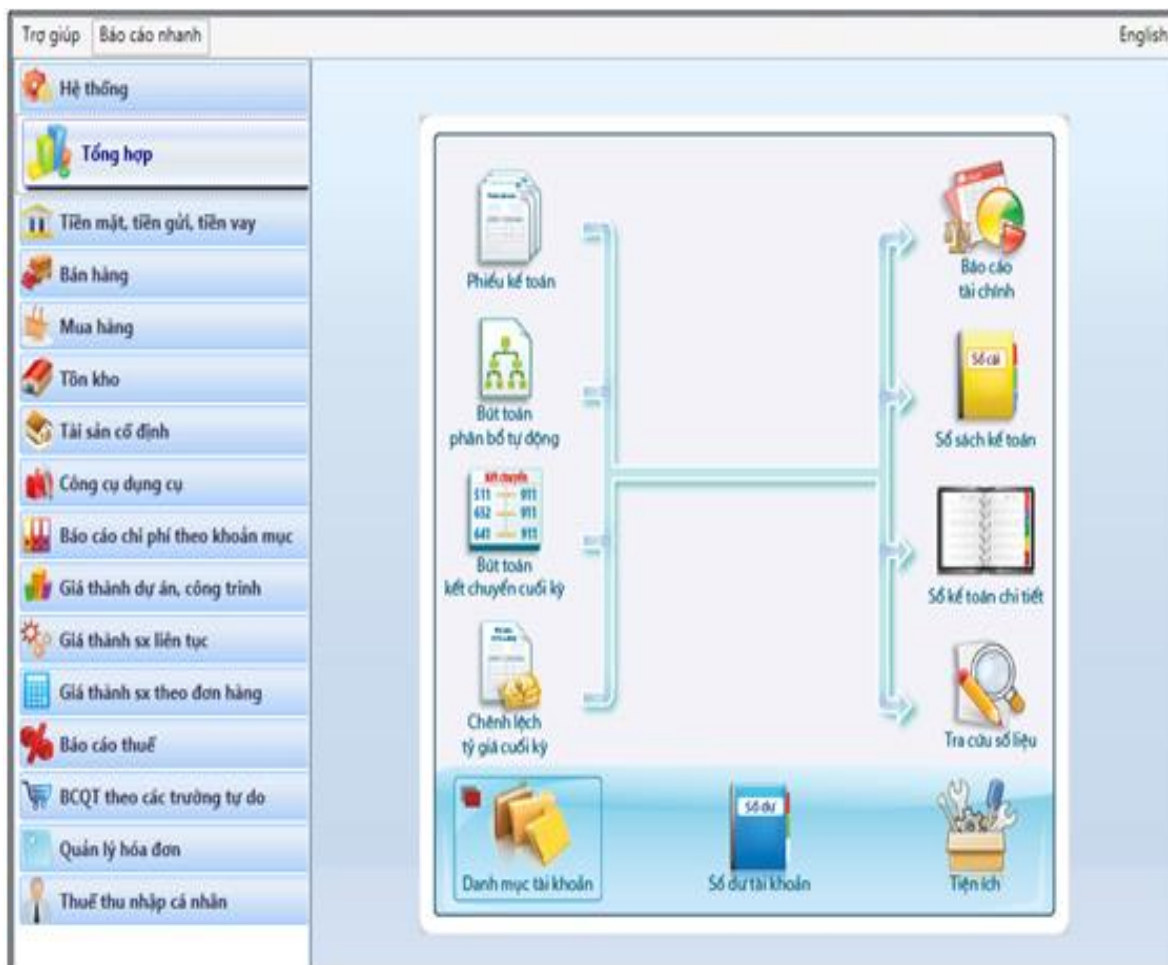
MISA SME.NET 2017 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, thuế, kho,...phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: thương mại, dịch vụ, xây lắp, sản xuất.



Giá: 2.950.000đ – 10.950.000đ/bản

Các phân hệ của MISA:

MISA SME.NET 2017 không chỉ hướng đến việc giải quyết các nghiệp vụ, khi thiết kế xây dựng phần mềm luôn chú trọng đến việc làm ra sản phẩm đẹp giao diện đơn giản, thuận tiện cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có giao diện 100% Tiếng Việt, các nghiệp vụ được sắp xếp tuần tự theo luồng quy trình công việc thực tế tại các doanh nghiệp rất trực quan và dễ hiểu cho người sử dụng. MISA SME.NET 2017 có nhiều gói sản phẩm khác nhau để phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng doanh nghiệp. Chỉ cần mua một giấy phép doanh nghiệp có thể cài được trên nhiều máy tính với chi phí hợp lý.

➤ **Phần mềm kế toán FAST Accounting 11**

Giá: 6.000.000đ - 8.000.000đ/bản

Phần mềm Fast accounting (phiên bản 11) mang những tính năng nổi trội như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, tự động gán giá bán tùy theo sản phẩm...), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt...).

Trong phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING với phân hệ “Kế toán giá thành xây lắp” người sử dụng có thể tập hợp các chi phí liên quan đến từng công trình xây lắp, lên các báo cáo giá thành cũng như báo cáo lãi lỗ, các báo cáo so sánh giữa số dự toán và số thực tế, tính lãi sử dụng vốn. Các số liệu được theo dõi gồm số phát sinh trong kỳ, số lũy kế từ đầu năm và số lũy kế từ khi khởi công.

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Phần mềm này có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.

- Tốc độ xử lý rất nhanh.

- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

- Sử dụng làm việc mọi lúc, mọi nơi trên mọi thiết bị. Không cần phải cài đặt phần mềm trên máy chủ hay các phần mềm hỗ trợ khác.

- Dễ dàng truy xuất thông tin, đảm bảo tính chính xác.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được Data.

➤ **Phần mềm kế toán AMIS.VN**

Không chỉ đáp ứng tốt nhu cầu trong nhiều lĩnh vực khác có nghiệp vụ kế toán đặc thù như Dược phẩm, Thiết bị Tin học, Ô tô xe máy... Phần mềm AMIS.VN còn đáp ứng được các nghiệp vụ đặc thù của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình và xây lắp. Hiện nay, với sự bứt phá trong công nghệ, sự tiện dụng khi sử dụng phần mềm AMIS.VN đã là lựa chọn hàng đầu của hàng ngàn doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và xây dựng công trình trên toàn quốc như: Công ty Cổ phần P.A.C.O, Công ty Cổ Phần Phát Triển Nhà Petrolimex – Tradoco, Hợp tác xã Vận Tải và Thi Công Cơ Giới Số 6, Công ty xây dựng NAM SƠN, Công Ty CP Xây Dựng 79... Dưới đây là một số nghiệp vụ đặc thù công tác quản trị tài chính kế toán của doanh nghiệp xây lắp và xây dựng được giải quyết trong phần mềm AMIS.VN:

Quản lý giá thành theo công trình

Qua phần mềm AMIS.VN Công ty có thể tập hợp chi phí và tính giá thành cho các công trình xây dựng:

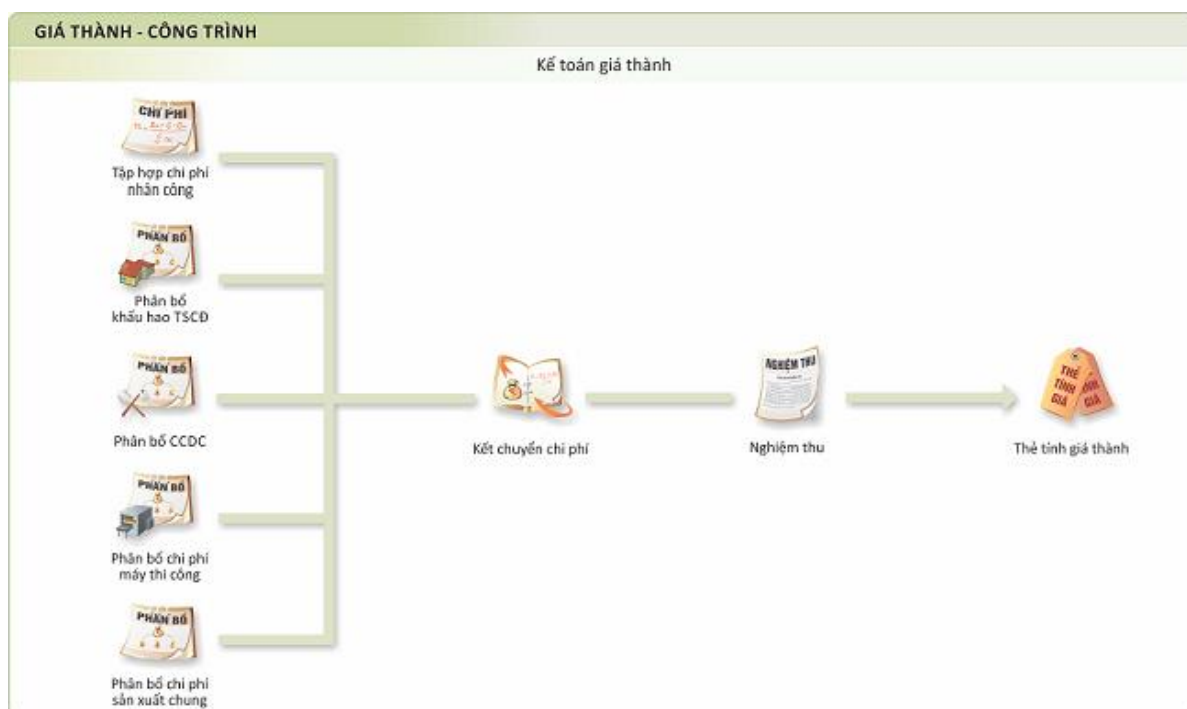
- ♣ Tập hợp các chi phí trực tiếp: Kế toán chỉ cần nhập số liệu một lần, phần mềm sẽ tự động tổng hợp các khoản chi phí trực tiếp cho từng công trình, từng hạng mục chi tiết bên trong và kế toán chỉ cần kiểm tra lại số liệu trước khi tính giá thành.

- ♣ Phân bổ chi phí gián tiếp: Các chi phí chung phát sinh trong xây dựng rất đa dạng và phức tạp, chính vì vậy phần mềm có thể thiết lập các định mức

phân bổ nhằm giúp kế toán dễ dàng theo dõi việc phân bổ các khoản chi phí đến từng công trình, từng hạng mục cụ thể...

♣ Đánh giá sản phẩm dở dang và nghiệm thu công trình: Sau khi đã hoàn thành xong việc tập hợp và phân bổ chi phí phần mềm sẽ tự động tính ra giá thành cho từng công trình, hạng mục.

Không chỉ vậy, AMIS.VN còn cho phép theo dõi chi phí thầu phụ, đây cũng là một loại chi phí đặc thù trong xây dựng. Chi phí này phát sinh khi doanh nghiệp thuê ngoài thi công một phần công trình.



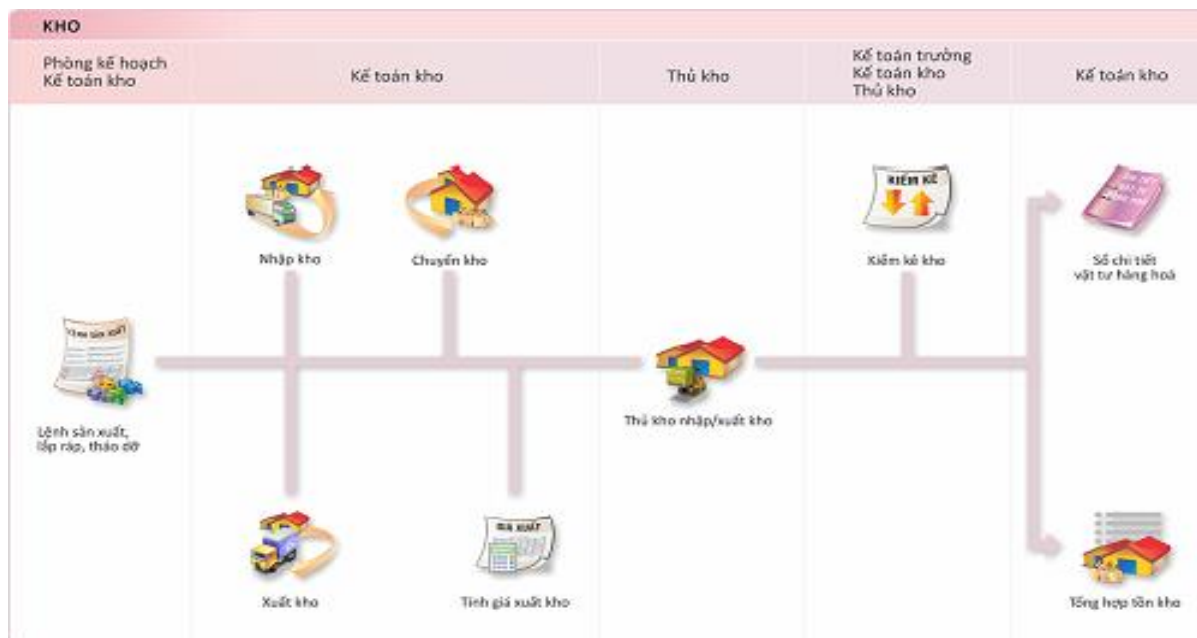
Thông qua phần mềm kế toán có thể theo dõi việc lập khoản dự phòng bảo hành công trình, vì khi công trình được bàn giao và đưa vào sử dụng, có thể phát sinh những chi phí liên quan đến sửa chữa, bảo hành.

Bên cạnh đó, phần mềm còn hỗ trợ kế toán quản lý hàng tồn kho

Thường thì nguyên vật liệu trong ngành xây dựng được xuất thẳng đến công trình không qua nhập kho, mà lại tính vào chi phí. Nhưng vẫn theo dõi tồn kho tại từng công trình, theo dõi sự điều chuyển vật liệu giữa công trình này với công trình khác hoặc vật liệu thừa thiếu giữa các công trình cần kiểm soát. Phần mềm không chỉ cho phép quản lý nguyên vật liệu xuất thẳng đến công trình mà còn quản lý nguyên vật liệu xuất qua kho.

♣ Cho phép quản lý các chứng từ nhập kho/xuất kho vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ, thành phẩm

- ♣ Hệ thống hỗ trợ việc xuất kho theo định mức nguyên vật liệu
- ♣ Cho phép tính giá xuất kho vật tư, hàng hóa, thành phẩm theo nhiều phương pháp.



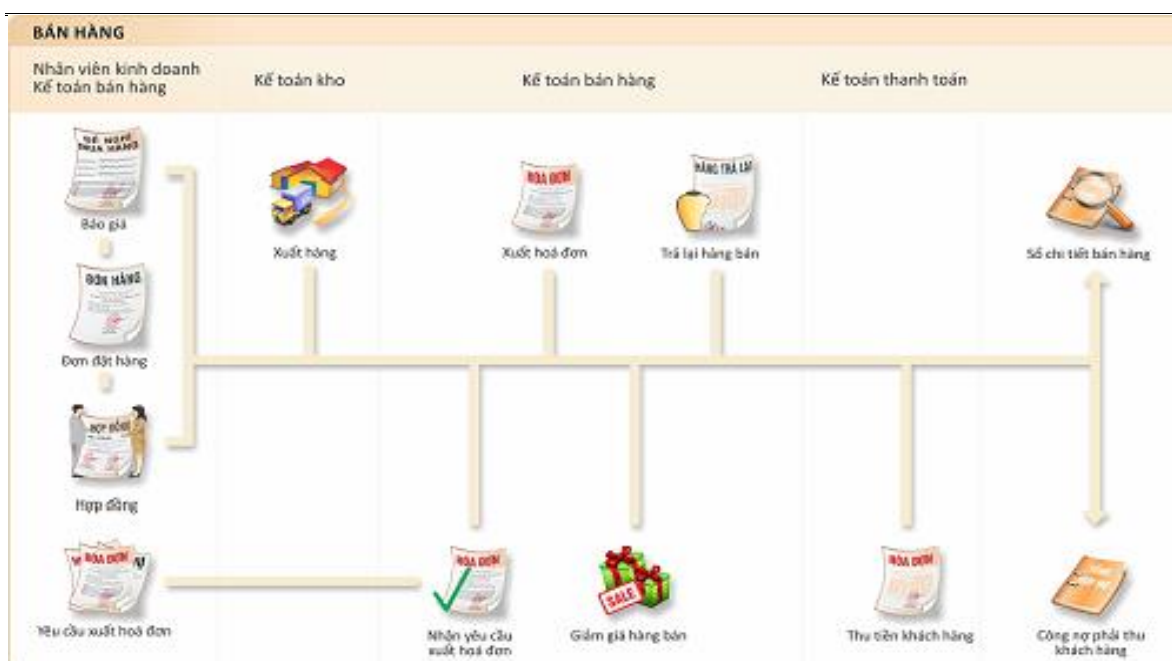
Quản lý công nợ theo hợp đồng, công trình

Do ngành xây dựng có rất nhiều nhà cung cấp các loại nguyên vật liệu, dịch vụ, nhiên liệu phục vụ cho hoạt động xây lắp. Vì vậy, AMIS.VN giúp người sử dụng theo dõi công nợ của nhà cung cấp, hay theo dõi công nợ của một nhà cung cấp nhiều dịch vụ cùng lúc cho hợp đồng, công trình.

Khách hàng phong phú (chủ đầu tư đặt hàng công trình, các khách hàng mua lẻ công trình do công ty tự đầu tư xây dựng...), giá trị hợp đồng lớn, quá trình thanh toán kéo dài trong nhiều năm cho nên AMIS.VN hỗ trợ việc quản lý công nợ của ngành xây dựng theo tiến độ thanh toán, theo đợt thanh toán, theo công trình, dự án...

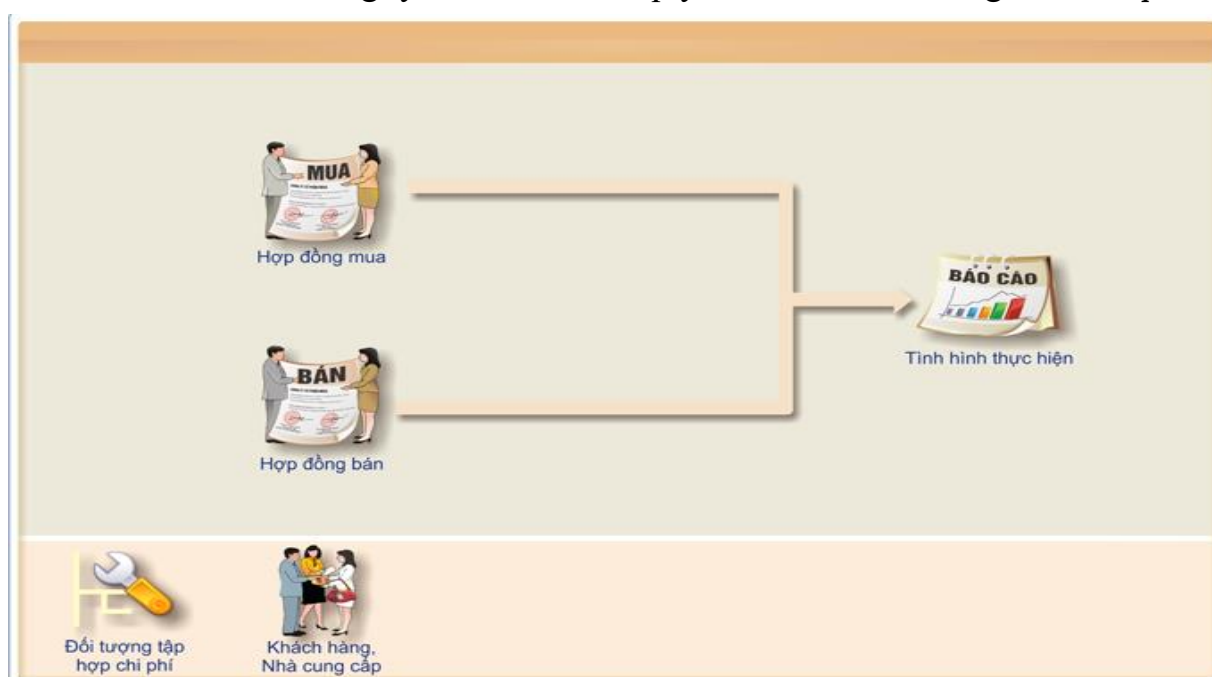
Ngoài ra, AMIS.VN còn có các tính năng khác đáp ứng nhu cầu và đặc trưng cho doanh nghiệp xây dựng:

- ♣ Quản lý hồ sơ công trình
- ♣ Quản lý tài sản cố định, khấu hao tài sản
- ♣ Quản lý hoạt động đầu tư xây lắp
- ♣ Quản trị dòng tiền.



Quản lý lãi, lỗ theo từng công trình, hợp đồng

Do việc quản lý lãi/lỗ theo từng công trình hay hợp đồng diễn ra khá phức tạp và đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng... Vì thế, AMIS.VN cho phép kế toán theo dõi các khoản chi phí cụ thể theo từng công trình, hợp đồng. Với tiện ích này, kế toán sẽ tiết kiệm được thời gian để tính toán số liệu, chỉ cần nhập liệu một lần và cuối kỳ vào xem báo cáo. Thông qua đó, Ban Giám đốc cũng dễ dàng nắm bắt được tình hình của Công ty, và đưa ra các quyết định nhanh chóng và hiệu quả.



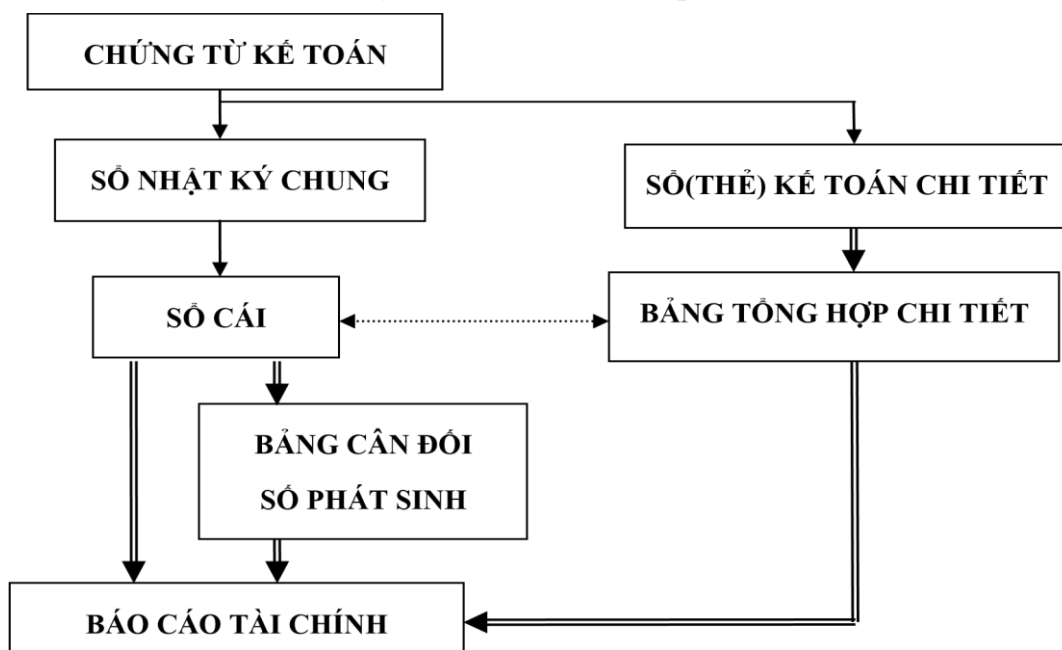
➔ Theo em, Công ty nên mua phần mềm kế toán AMIS.VN. Bởi vì phần mềm này rất phù hợp với tính chất đặc thù của ngành xây dựng, rất

để sử dụng, tính bảo mật cao và phù hợp với cấu hình nhiều máy và chi phí mua phù hợp với điều kiện Công ty hiện nay.

3.2.3.2. Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng Số 1, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý chi phí một cách chính xác hơn.

Sơ đồ minh họa trình tự ghi sổ kế toán khi lập thêm Sổ chi tiết:



Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán

Ghi chú:

Quan hệ đối chiếu ←.....→
 Ghi cuối kỳ ==>
 Ghi hàng ngày ——>

♠ Đối với kế toán doanh thu, Công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng công trình. Có như vậy thì công ty mới nắm được tình hình nghiệm thu, quyết toán của từng công trình. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán

hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng và Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK 511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại và chặt chẽ hơn.

Ví dụ minh họa:

VD 3.1: *(Minh họa tiếp nghiệp vụ của VD 2.1)*

Ngày 28/10/2016, Công ty bàn giao công trình Thi công xây dựng trường mầm non Hàng Hải I cho Công ty cổ phần xây dựng Số 1, (công trình này được khởi công từ ngày 26/06/2016) với tổng giá trị trên hợp đồng là 4.129.500.830đ. Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên.

♥ Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0000096 (Biểu số 2.1), kế toán phản ánh doanh thu của nghiệp vụ trên vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1)

Biểu số 3.1 – Sổ chi tiết bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1
Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S17 –DNN
Theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên công trình: Trường Mầm Non Hàng Hải I

Từ ngày 26/06/2016 đến ngày 28/10/2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
28/10	HĐ0000096	28/10	Xây dựng Trường Mầm Non Hàng Hải I	131	1	3.754.091.664	3.754.091.664		
			Cộng số phát sinh				3.754.091.664		
			-Doanh thu thuần				3.754.091.664		
			-Giá vốn hàng bán				3.490.162.500		
			-Lãi gộp				249.175.830		

Ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

♠ Đối với kế toán chi phí: Hiện tại, công ty chỉ lập Sổ cái cho các tài khoản 632, 642,... Như vậy thì không theo dõi được chi tiết từng khoản chi, gây khó khăn cho việc quản lý, Công ty nên mở “Sổ chi phí sản xuất kinh doanh” chi tiết theo từng khoản chi phí.

Ví dụ minh họa:

VD 3.2: *(Minh họa tiếp nghiệp vụ của VD 2.1)*

Ngày 28/10/2016, Công ty bàn giao công trình Thi công xây dựng khu vui chơi và phòng học trường mầm non Hàng Hải I cho Công ty Cổ phần xây dựng Số 1 (công trình này được khởi công từ ngày 26/06/2016) với tổng giá trị trên hợp đồng là 4.129.500.830đ. Công ty chưa nhận được thanh toán số tiền trên. Trị giá vốn công trình: 3.490.162.500đ.

♥ Căn cứ vào Phiếu kế toán số 23 (Biểu số 2.4), kế toán tiến hành ghi chép bút toán của nghiệp vụ trên vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.2).

Biểu số 3.2 – Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1**

Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

Mẫu số : S18 –DNNTheo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của
bộ trưởng BTC**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

- Tài khoản: 632

- Tên phân xưởng:.....

- Tên sản phẩm, dịch vụ: Công trình xây dựng Trường mầm non Hàng hải I

Năm 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi Nợ TK 632		
	Số hiệu	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			<u>Số dư đầu kỳ</u>				
			Số phát sinh trong kỳ				
28/10	PKT23	28/10	Công trình xây dựng Trường mầm non Hàng Hải I	154	3.490.162.500	1	3.490.162.500
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi Có TK 632	911			
			<u>Số dư cuối kỳ</u>				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.3.3. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các cán bộ công nhân viên đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.3 – Phiếu giao nhận chứng từ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 1

Số 22 – Tôn Đức Thắng – Hải Phòng

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng....năm...

Ngày, tháng	Loại chứng từ	Ngày tháng chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
				Bên giao	Bên nhận

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2016 tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1 theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- Đối với công tác kế toán doanh thu: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến xây dựng công trình đều được ghi chép một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- Đối với công tác kế toán chi phí: Mọi chi phí phát sinh trong công ty đều được quản lý một cách chặt chẽ, đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

- Đối với công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nhà quản trị.

Tuy nhiên, Công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

Về hình thức kế toán: Hiện việc ghi chép kế toán tại công ty còn thủ công, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, kém hiệu quả.

Về hệ thống sổ kế toán: Khi hạch toán doanh thu, chi phí, công ty mới chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ cái nên chưa theo dõi được chi tiết từng công trình.

Về quy trình luân chuyển chứng từ và hạch toán kế toán: Giữa các phòng ban trong công ty không có phiếu giao nhận chứng từ, vì vậy khi xảy ra mất mát chứng từ khó quy trách nhiệm để xử lý.

2. Kiến nghị

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1. Cụ thể:

Hiện đại hóa công tác kế toán: Công ty cần đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ thông tin bằng cách áp dụng các phần mềm kế toán máy vào trong công tác kế toán nhằm giảm chi phí, không tốn nhiều thời gian mà đạt hiệu quả cao.

Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán: Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng Số 1, công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình nghiệm thu, quyết toán của từng công trình.

Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ: Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận để khi xảy ra mất mát chứng từ sẽ dễ quy trách nhiệm và có biện pháp xử lý. Hơn nữa, việc này sẽ giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty và nâng cao tinh thần trách nhiệm cho công nhân viên.

Các kiến nghị đề xuất nói trên đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có tính thực tiễn và khả thi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Đặng Thị Loan, Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.
2. Bộ Tài chính, Chế độ kế toán trong các doanh nghiệp, quyển 2 Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán, NXB Thống Kê, 2008.
3. Các tài liệu của Công ty cổ phần xây dựng Số 1.
4. Tham khảo một số luận văn kế toán của trường Đại học Dân lập Hải Phòng.
5. Tài liệu trên Internet.
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được ban hành.